



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Trụ sở chính : Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại : (0274) 3 748 848

Số fax : (0274) 3 748 868

Website : www.namkingroup.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2018



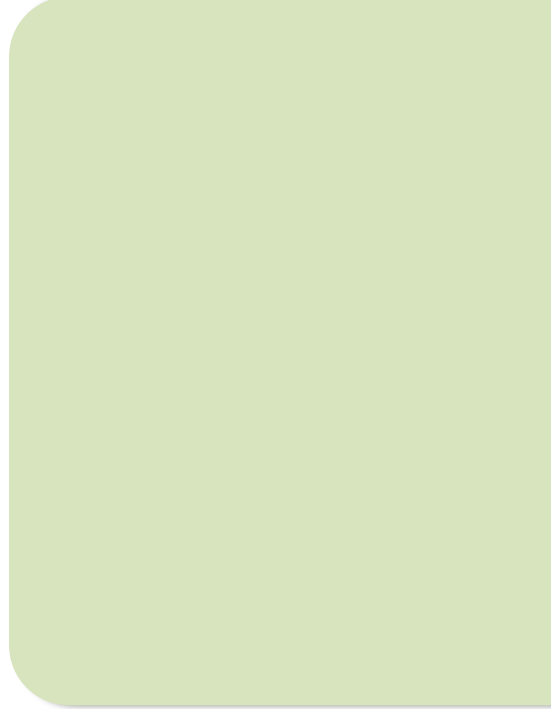
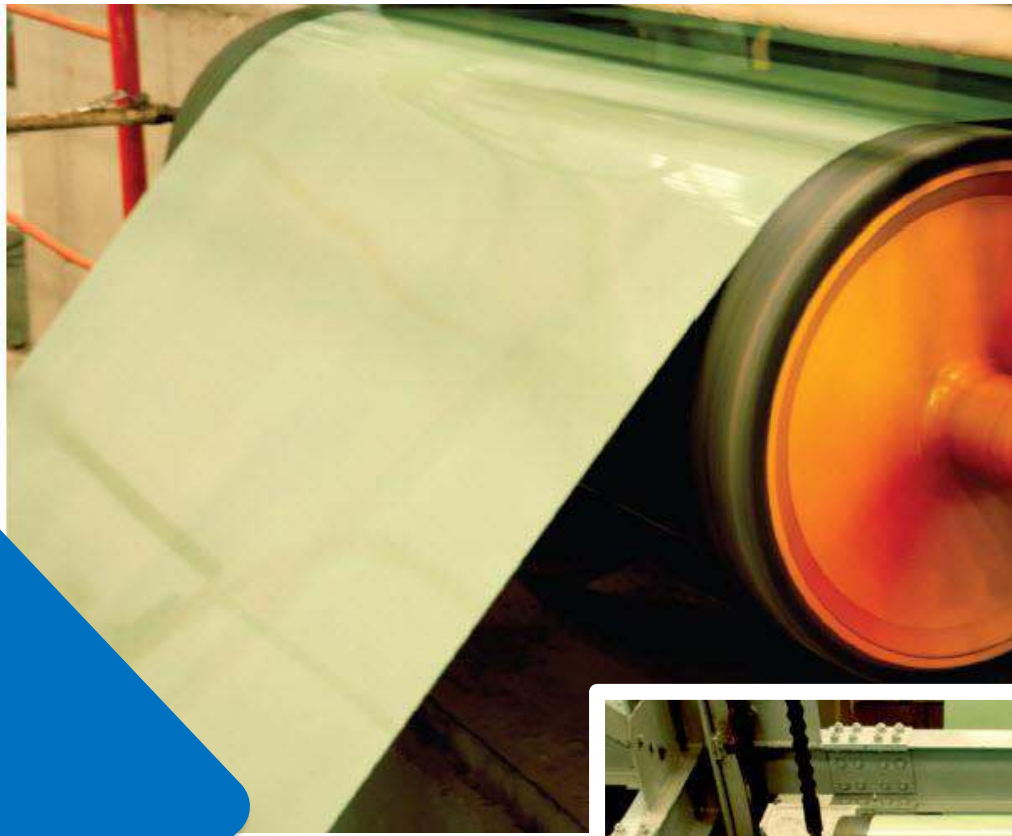
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

TÔN NAM KIM

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG



TÔN NAM KIM





TRÊN HẾT



MỤC LỤC

✓ THÔNG TIN CHUNG	1
✓ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	27
✓ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	41
✓ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	55
✓ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	65
✓ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	73
✓ QUẢN TRỊ CÔNG TY	79
✓ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	89



TÔN NAM KIM

THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Tên Tiếng Anh

NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

NAKISCO

Giấy CNĐKDN số

3700477019 đăng ký thay đổi lần thứ 23
ngày 14 tháng 11 năm 2017

Vốn điều lệ

1.300.000.000.000 VND

Trụ sở chính

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường
An Thạnh, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại

(0274) 3 748 848

Số fax

(0274) 3 748 868

Website

www.namkingroup.vn

Mã cổ phiếu

NKG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được chính thức thành lập vào ngày 23/12/2002, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận. Trụ sở chính đặt tại Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương với diện tích hơn 43.000m².

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển, đến nay thương hiệu Tôn Nam Kim đã đến với các hộ gia đình, các công trình xây dựng cao tầng, các phân xưởng... trên khắp mọi miền đất nước. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã lọt vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 và được đánh giá là một trong 2 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc (Theo số liệu báo cáo của Hiệp Hội Thép Việt Nam).

Với phương châm "Cam kết chất lượng" - đem đến cho Quý khách hàng những sản phẩm tốt nhất cùng với chính sách chăm sóc chu đáo nhất và giá cả cạnh tranh nhất, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim luôn tin tưởng vào sự hợp tác và song hành cùng những thành công của Quý khách hàng.

2002

2009

2010

2011

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập ngày 23/12/2002, Trụ sở chính đặt tại Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng Giám đốc Hồ Minh Quang chính thức điều hành công ty. Cũng trong năm này, tổng doanh thu công ty đạt trên 1.000 tỷ đồng.

Ngày 11/03/2010, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tổ chức Lễ khởi công xây dựng Nhà máy Thép Nam Kim 2 tại Lô B2.2-B2.3, Đường D3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán vào ngày 14/01/2011 với mã cổ phiếu NKG.



NAM KIM - CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

2012

Nhà máy Thép Nam Kim 2 đi vào hoạt động, nâng tổng sản lượng của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim lên trên 350.000 tấn/năm, với các sản phẩm thép chủ lực: tôn lạnh (tôn mạ hợp kim nhôm kẽm), tôn lạnh mạ màu, thép dày mạ kẽm, tôn mạ kẽm, tôn kẽm mạ màu, ống thép và xà gỗ.

2015

06/2015 khởi công nhà máy thép – tấm lợp Nam Kim 03 với vốn đầu tư 2.300 tỷ đồng. Địa điểm lô A1, Đường D2, KCN Đồng An 2, Phường Phú Lợi, Thủ Dầu 1, Bình Dương. Tháng 12/2015 vốn điều lệ công ty tăng lên 500 tỷ đồng.

2016

Thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ 16 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược Vietnam Enterprise Investments Limited (“VEIL”) và Unicoh Specialty Chemiscails Co.,Ltd nâng mức vốn điều lệ của công ty lên 660,34 tỷ đồng. Ngày 27/08/2016, tại nhà máy Thép – Tấm lợp Nam Kim 03 đã chính thức đưa vào vận hành dây chuyền mạ công nghệ NOF với công suất thiết kế 450.000 tấn/năm và cho ra lò cuộn tôn thương phẩm đầu tiên thành công.

2017

Vốn điều lệ Công ty nâng lên đạt 1.300 tỷ đồng. Tiếp tục đầu tư các nhà máy để nâng công suất hoạt động:

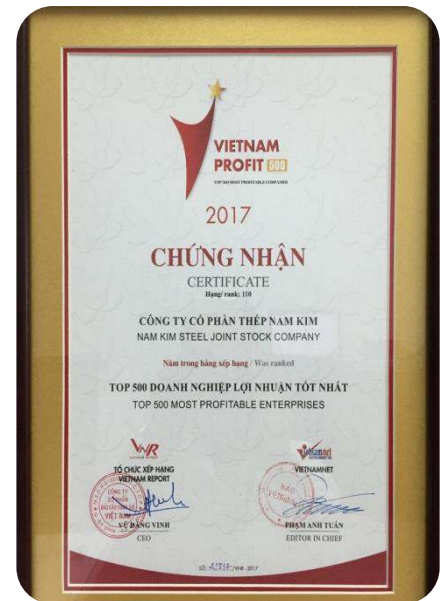
Nhà máy Nam Kim Corea, tọa lạc Khu công nghiệp VSIP II mở rộng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với công suất 80.000 tấn/năm.

Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ giai đoạn 1 với tổng vốn đầu tư là 2.200 tỷ đồng, tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Đại Dương, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

GIẢI THƯỞNG – THÀNH TÍCH

Bằng khen ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Kim đã có thành tích tốt thực hiện bộ luật lao động năm 2012, giai đoạn (2013-2015) và đề án phát triển quan hệ lao động, giai đoạn 1 (2014-2015) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trao tặng ngày 06/07/2016.

Chứng nhận Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đạt doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững 2015 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm văn hóa doanh nhân trao tặng ngày 09/10/2015.



2017

Giấy khen Công ty Cổ phần Nam Kim đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2015 do cục trưởng cục thuế tỉnh Bình Dương trao tặng ngày 02/03/2016.

Tôn vinh khen thưởng Doanh Nghiệp thực hiện tốt bộ luật lao động năm 2012, giai đoạn 2013-2015 và đề án phát triển lao động 2014-2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trao tặng ngày 06/07/2016.



Giấy khen Công ty Cổ phần Nam Kim đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2015 do cục trưởng cục thuế tỉnh Bình Dương trao tặng ngày 02/03/2016.

Doanh nhân tiêu biểu xuất sắc top 100 năm 2016 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trao tặng ngày 13/10/2016.

Tổng Giám đốc - Phạm Mạnh Hùng được vinh danh 50 Nhà lãnh đạo Doanh nghiệp xuất sắc nhất năm 2015;



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hiện nay Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- ✓ Sản xuất các sản phẩm kim loại.
 - Chi tiết: Sản phẩm các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm(tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.
- ✓ Sản xuất sắt, thép, gang.
 - Chi tiết: sản xuất ống thép, thép hộp, thép hình, các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.
- ✓ Buôn bán kim loại và quặng kim (mua bán sắt, thép các loại).
- ✓ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý và tráng phủ kim loại và không gia công tại trụ sở chính).





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

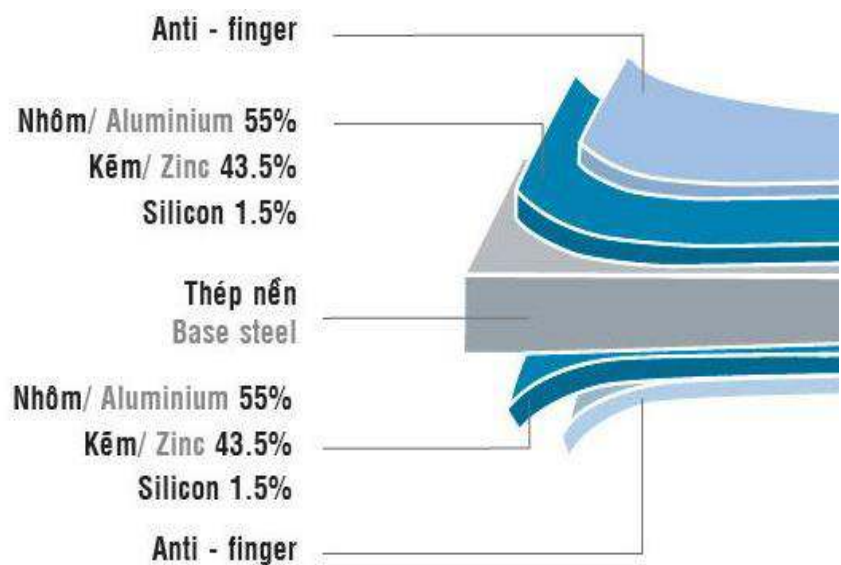


Công ty Cổ phần Thép Nam Kim có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu tại Tỉnh Bình Dương. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Nam Kim đã không ngừng cải tiến, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, xem đó là nền tảng phát triển bền vững nhằm từng bước mở rộng thị phần trong nước và xuất khẩu.

Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong chính thị trường nội địa, rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, Nam Kim còn đẩy mạnh xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới tại các Khu vực Đông Nam Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Trung Đông ...

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

TÔN MẠ LẠNH NAKI ZINCALUM

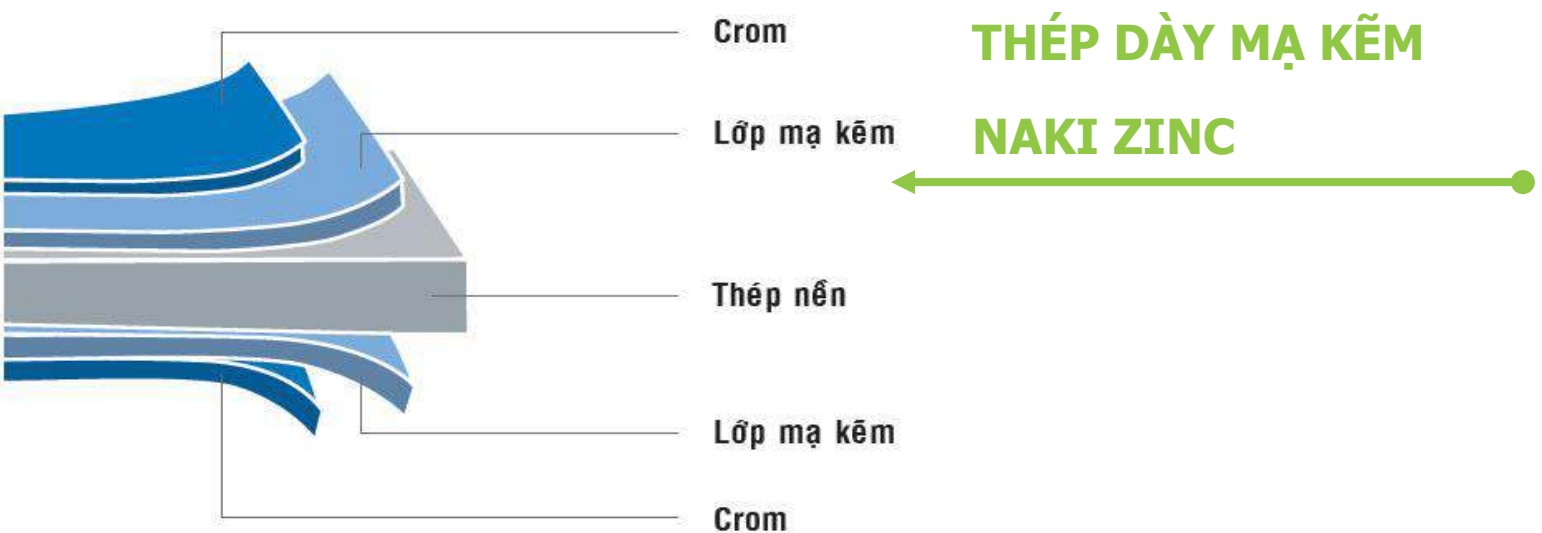


Thông số:

- Tiêu chuẩn: JIS G 3321
- Công nghệ: NOF
- Lượng mạ danh nghĩa: AZ50 ~AZ200
- Độ dày tôn nền: 0.25~1 (mm)
- Khổ rộng: 600~1250 (mm)
- "AZ" dùng để chỉ lớp mạ hợp kim nhôm kẽm.

Ưu điểm vượt trội:

- Tôn mạ lạnh (tôn mạ hợp kim nhôm kẽm 55%) - NAKI ZINCALUM được sản xuất đặc biệt thích hợp với nhiều mục đích sử dụng, có tuổi thọ cao, bền hơn gấp nhiều lần so với các sản phẩm tôn mạ kẽm thông thường.
- Tôn mạ lạnh (tôn mạ hợp kim nhôm kẽm 55%) - NAKI ZINCALUM có khả năng chống ăn mòn cao, tính kháng nhiệt tốt, lớp phủ anti-finger giúp cho bề mặt sáng đẹp, chống ố - oxy hóa hiệu quả, giảm các bong tróc, trầy xước trong quá trình vận chuyển, lắp đặt.



Thông số:

- Tiêu chuẩn: JIS G 3320
- Công nghệ: NOF
- Lượng mạ danh nghĩa: Z8 – Z20
- Độ dày tôn nền: 1.5 ~ 4.0 (mm)
- Khổ rộng: 200 ~ 500 (mm)
- "AZ" dùng để chỉ lớp mạ kẽm.

Ưu điểm vượt trội:

- Thép dày mạ kẽm (1.5-4.0mm) - NAKI ZINC chống ăn mòn tốt, không cần lớp sơn phủ bảo vệ bề mặt
- Thép dày mạ kẽm (1.5-4.0mm) - NAKI ZINC đảm bảo chất lượng, phù hợp nhiều ứng dụng, tính thẩm mỹ cao



TÔN MẠ MÀU NAKI COLOR

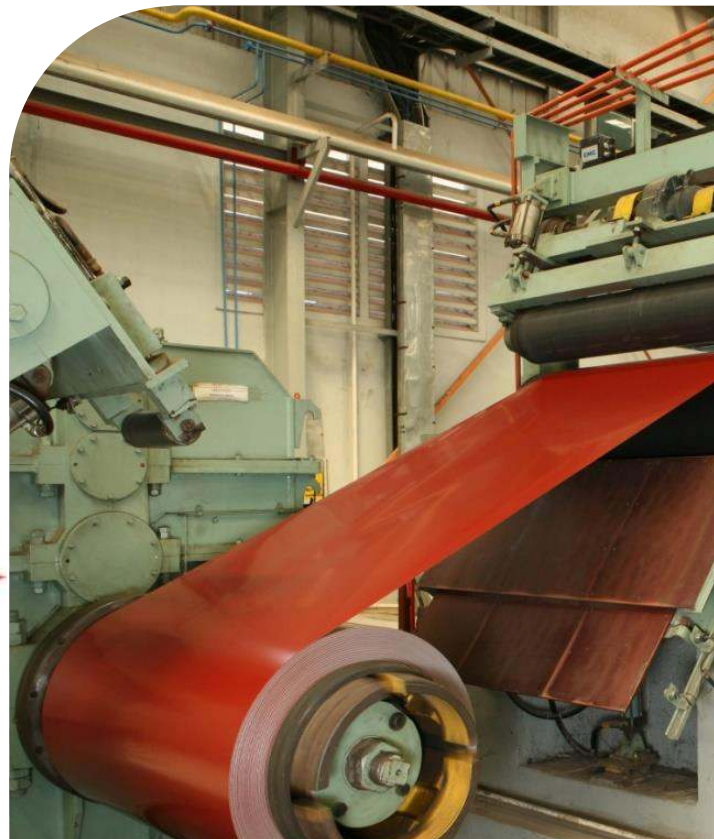
Tôn lạnh mạ màu

Thông số:

- ✓ Tiêu chuẩn: JIS G 3322
- ✓ Công nghệ: Trục sơn đảo chiều
- ✓ Độ dày lớp mạ: 10-20/15-30 micron
- ✓ Độ dày tôn nền: 0.25~1.2 (mm)
- ✓ Khổ rộng: 600~1250 (mm)

Ưu điểm vượt trội:

Tôn lạnh mạ màu NAKI COLOR được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến từ nguyên liệu nền hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF (công nghệ lò nung không Oxy) có chất lượng cao. Sản phẩm đa dạng về màu sắc, có tuổi thọ cao gấp nhiều lần so với sản phẩm tôn mạ kẽm thông thường, khả năng chống chịu thời tiết và chống nóng hiệu quả.





Tôn kẽm mạ màu

Thông số:

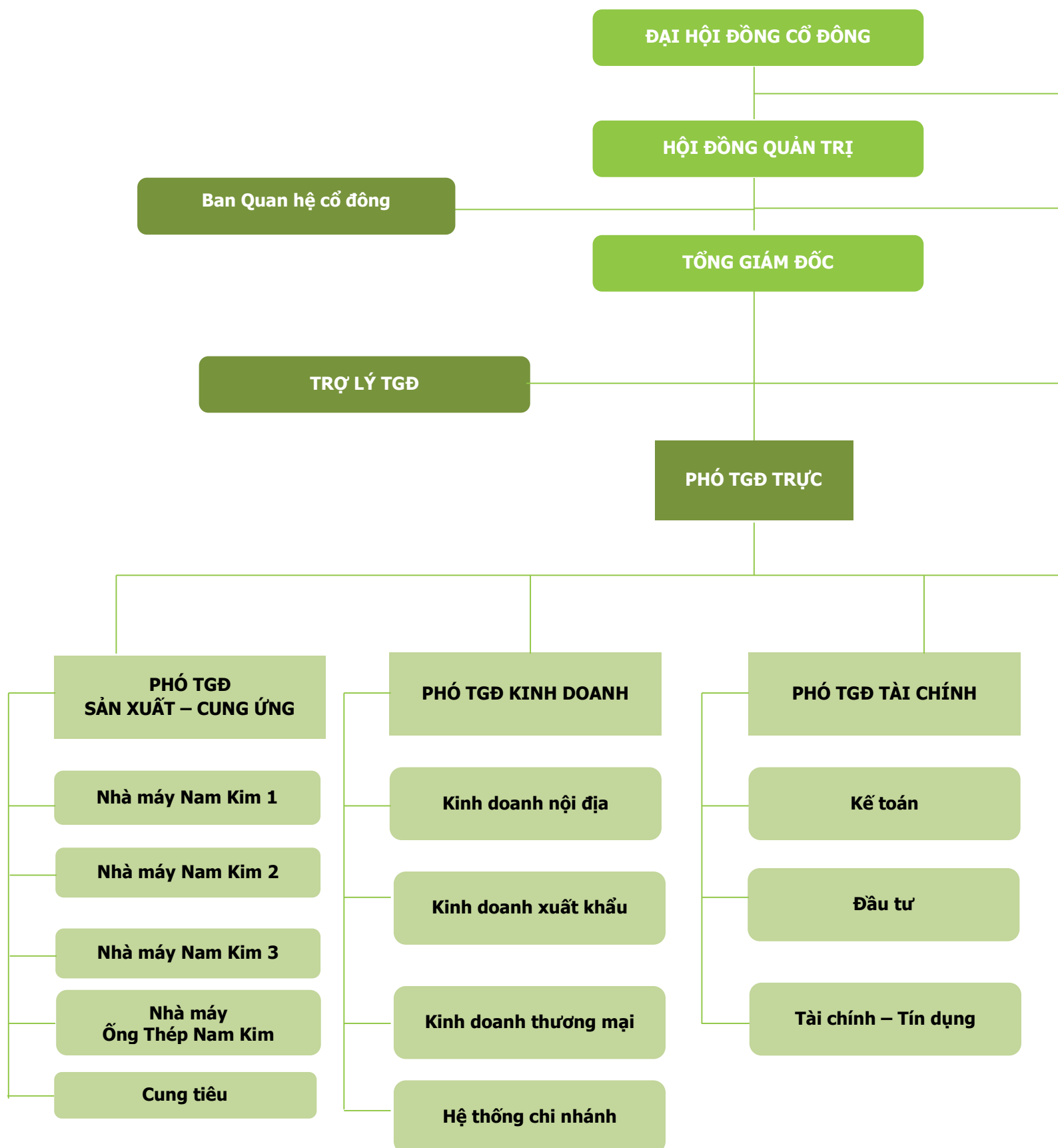
- ✓ Tiêu chuẩn: JIS G 3312
- ✓ Công nghệ: Trục sơn đảo chiều
- ✓ Độ dày lớp mạ: 10-20/15-30 micron
- ✓ Độ dày tôn nền: 0.25~1.0 (mm)
- ✓ Khổ rộng: 600~1250 (mm)

Ưu điểm vượt trội:

Tôn kẽm mạ màu NAKI COLOR là sản phẩm chất lượng cao, bền đẹp, được sản xuất bằng nguyên liệu tôn mạ kẽm công nghệ NOF, kết hợp với thiết bị kéo căng - cán phẳng SPM và kỹ thuật trục sơn đảo chiều tiên tiến.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - CƠ CẤU TỔ CHỨC



Ban kiểm soát

Ban cố vấn và trợ lý HĐQT

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hành chính Nhân sự

Marketing

Mua hàng

IT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của NKG được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

TRỤ SỞ CHÍNH

**CHI NHÁNH
CTCP THÉP NAM KIM**

**NHÀ MÁY THÉP - TẤM
LỢP NAM KIM 02**

**NHÀ MÁY THÉP - TẤM
LỢP NAM KIM 03**

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh,
Thuận An, Bình Dương

Điện thoại: 0650 3 748 848

Fax: 0650 3 748 868

Công ty con:

Công ty TNHH Ống Thép Nam Kim

Địa chỉ: Lô C2, 169 đến Lô C2, 20, Đường
VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện
Bến Lức, tỉnh Long An



Chi Nhánh CTCP Thép Nam Kim

Địa chỉ: Lô B2.2 - B2.3, Đường D3, KCN
Đồng An 2, P. Hòa Phú, TX. Thủ Dầu
Một, Bình Dương

Điện thoại: 0650 3515 020

Fax: 0650 3589 707

Chi nhánh CTCP Thép Nam Kim Miền Bắc

Địa chỉ: Tầng 6, Số 72, Trần Đăng Ninh,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 043 200 6392

Fax: 043 200 6393

Chi nhánh CTCP Thép Nam Kim Miền Tây

Địa chỉ: Km 2045, Quốc lộ 1A, Ấp Phước
Hòa, Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh
Vĩnh Long

Nhà máy thép – tấm lợp Nam Kim 02:

Địa chỉ: Lô B2.2 - B2.3, Đường D3, KCN
Đồng An 2, P. Hòa Phú, TX. Thủ Dầu Một,
Bình Dương

Vốn đầu tư: 1.000 tỷ đồng

Nhà máy thép – tấm lợp Nam Kim 03:

Địa chỉ: Lô A1, Đường D2, KCN Đồng An 2,
P. Hòa Phú, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Vốn đầu tư: 2.300 tỷ đồng

Công suất: 680 ngàn tấn/năm





TÂM NHÌN

Trở thành 1 trong 2 đơn vị dẫn đầu
ngành tôn thép mạ Việt Nam.

SỨ MỆNH

Chia sẻ cộng đồng
Chung tay vì môi trường
Trách nhiệm xã hội

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

N

Non-stop attempt - Nỗ lực không ngừng: Nỗ lực không ngừng là phương châm phấn đấu để phát triển.

A

Attitude - Thái độ: Thái độ làm việc chuyên nghiệp là văn hoá đặc trưng của Nam Kim.

M

Morality - Đạo đức: Đạo đức là cốt lõi của mọi hành động, là cam kết cho giá trị bền vững của Nam Kim.

K

Knowledge - Kiến thức: Kiến thức là chìa khoá của Nam Kim trong sứ mệnh phục vụ cho lợi ích con người.

I

Innovation - Đổi Mới: Đổi mới là tiến trình thiết yếu để đạt được sự đáp ứng tốt nhất và phát triển tối ưu.

M

Meet the trust - Đáp ứng niềm tin: Đáp ứng niềm tin của Quý khách hàng chính là thước đo thành công.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Với phương châm "Cam kết chất lượng" đem đến cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh nhất. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim sẽ tiếp tục đẩy mạnh sự tăng trưởng, giữ vững vị trí là 1 trong 2 đơn vị dẫn đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc. Đây là mục tiêu và kết quả cần đạt được để khẳng định sự chuyển biến lớn mạnh của Nam Kim trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong giai đoạn hội nhập. Đảm bảo hoạt động của công ty thép Nam Kim tăng trưởng ổn định, an toàn, hiệu quả, song song đó thực hiện tốt trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.



Định hướng phát triển trung và dài hạn

- ✓ Dựa vào chiến lược phát triển ngành cốt lõi, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tập trung xây dựng một doanh nghiệp thép hiện đại với các dây chuyền sản xuất được nhập khẩu từ các nước tiên tiến;
- ✓ Các sản phẩm của Nam Kim được sản xuất bằng công nghệ hiện đại, do Tập đoàn Posco (Hàn Quốc) và các tập đoàn ngành thép lớn trên thế giới chuyển giao lắp đặt, với nguồn nguyên liệu có chất lượng hàng đầu được nhập khẩu từ các nước tiên tiến;
- ✓ Bên cạnh đó, Nam Kim tiếp tục đầu tư mới 100% các dây chuyền gia công xử lý thép cuộn, với công nghệ tiên tiến nhất của Cộng hòa Liên bang Đức. Đây là một hoạt động chiến lược kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường nước ngoài;
- ✓ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh và tăng trưởng bền vững. Lấy khách hàng làm trọng tâm, liên tục cải tiến sản phẩm và mở rộng kênh phân phối, nâng cao chất lượng phục vụ với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép mạ. Tiếp tục mở rộng thị trường các nước có yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật cao, đặc biệt một số nước như: Đức, Italia, Nga, Mỹ, Úc... Mở rộng quan hệ đại lý tiếp tục đưa các sản phẩm mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường;
- ✓ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xem đây là nền tảng cơ bản quyết định sự thành công của Công ty. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng, đặt ra lộ trình phát triển nhân sự chất lượng cao, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực. Áp dụng cơ chế trả lương phù hợp nhằm tạo động lực tạo ra giá trị thặng dư trong lao động, nhằm khuyến khích người lao động tập trung cống hiến cho sự phát triển của Công ty;
- ✓ Nâng cao năng lực tài chính thông qua kết quả kinh doanh đạt hiệu quả, tăng cường quy mô vốn chủ sở hữu đảm bảo tương xứng với quy mô hoạt động. Nam Kim tái cấu trúc, hoàn thiện chuẩn hóa mô hình tổ chức. Tái cơ cấu bộ máy quản lý thông qua việc chuyên biệt hóa các bộ phận: Khối kinh doanh, khối sản xuất, khối quản trị rủi ro... Nhằm quản lý tập trung xuyên suốt các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành từ Hội sở chính đến các chi nhánh, phù hợp với thông lệ các công ty quản trị hàng đầu thế giới.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Những năm gần đây, kinh tế Việt Nam có tốc độ phát triển khá tốt. Bước vào năm 2017, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6.81% so với năm 2016, mức cao nhất trong gần 10 năm qua. Ngành công nghiệp và xây dựng cũng có sự tăng trưởng tốt với mức tăng 8%. Thị trường bất động sản hồi phục và sự gia tăng các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng là những yếu tố chính thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh. Với bối cảnh kinh tế vĩ mô 2018 lạc quan, thị trường bất động sản và xây dựng dự báo sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới, cơ hội tăng trưởng cho các doanh nghiệp sản xuất thép Việt Nam vẫn còn rộng mở. Đây chính là điều kiện thuận lợi để Nam Kim tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Có thể thấy, sự ổn định của nền kinh tế xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nói chung và NKG nói riêng phát triển bền vững. Dự đoán tốc độ tăng trưởng GDP 2018 dự báo sẽ duy trì phát triển ở mức cao với mục tiêu là khoảng 6,5% - 6.7%. Hơn nữa, năm 2018 Chính phủ dự kiến thúc đẩy giải ngân cho các công trình đầu tư, ngoài ra thị trường bất động sản, xây dựng đô thị dự kiến năm sau sẽ phát triển mạnh. Do đó, nhu cầu về thép sẽ tăng và ngành này sẽ tiếp tục phát triển mạnh. Dự đoán tăng trưởng thép sản xuất và thép bán ra năm 2018 sẽ khoảng trên 20%. Đây là cơ hội cho sự phát triển của các Công ty kinh doanh thép nói chung và Công ty Nam Kim nói riêng.

RỦI RO LUẬT PHÁP



Trong những năm vừa qua với sự phát triển và hội nhập kinh tế toàn cầu, các văn bản pháp luật có tính nền tảng cho hoạt động của các thành phần kinh tế đã có nhiều thay đổi lớn như: Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014, Luật chứng khoán, Luật lao động và các luật liên quan. Những thay đổi của hành lang pháp lý để thu hút nhà đầu tư thì vừa mang lại lợi ích vừa là thách thức trước những thay đổi hiện nay cũng như quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Hiện nay, hệ thống pháp luật tại Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, việc chưa thống nhất giữa các văn bản luật và thiếu sự hướng dẫn rõ ràng là những khó khăn lớn nhất trong việc vận dụng pháp luật vào hoạt động của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đang niêm yết tại Sàn HOSE đồng thời đang hoạt động trong lĩnh vực chế tạo các sản phẩm Thép, do đó NKG đều chịu sự chi phối bởi các bộ luật liên quan.

Năm 2016 là năm Chính phủ đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (tự vệ đối với phôi thép, thép dài, tôn màu, chống bán phá giá đối với tôn mạ) để bảo vệ ngành thép trong nước. Các biện pháp này có tích cực đối với ngành thép nói chung và NKG nói riêng. Phòng vệ thương mại đã mang lại những màu sắc tươi sáng cho bức tranh ngành thép nội địa sau một giai đoạn chịu sức ép nặng nề từ cơn bão phá giá tới từ Trung Quốc. Đối với các nhà sản xuất thép, lợi nhuận năm 2017 đã cải thiện đáng kể trong ngắn hạn và được kỳ vọng tiếp tục tích cực trong năm 2018 nhờ tác dụng của các chính sách tự vệ thương mại lên giá bán thép.

Với những thuận lợi đan xen thách thức khi các quy định thay đổi, Công ty luôn cố gắng, chú ý nghiên cứu đánh giá tác động của các quy định này đến hoạt động của mình từ đó có kế hoạch cập nhật, học hỏi và triển khai áp dụng đối với các nghiệp vụ có liên quan, góp phần hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực của rủi ro pháp luật.

Do đặc trưng của ngành là công nghệ sản xuất Thép nên ô nhiễm môi trường là một vấn đề mà Công ty hết sức quan tâm. Do đó, trong quá trình hoạt động sản xuất Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về pháp luật như Luật bảo vệ môi trường hay một số nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường khi gây ô nhiễm môi trường. Do đó, để hạn chế về những rủi ro pháp luật này, Công ty đã không ngừng tìm hiểu, nhạy bén trong công việc, có nhiệm vụ theo dõi thay đổi những quy định và quy trình nội bộ, vừa đảm bảo việc bám sát theo chính sách mới của Nhà nước vừa đảm bảo cho hoạt động của Công ty diễn ra suôn sẻ, đúng pháp luật. Đồng thời, Công ty cho nâng cấp và thiết kế xây dựng lại các cơ sở sản xuất Thép đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy.



Rủi ro nguyên vật liệu

Ngành thép trong nước vẫn liên tục phải cạnh tranh về giá với các sản phẩm cùng loại của nước ngoài tràn vào Việt Nam. Năm 2017, ngành thép Việt Nam dự báo tiếp tục gặp khó khăn do phụ thuộc vào nguyên liệu từ các nước và phải cạnh tranh gay gắt với nhiều sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc. Ngành thép vẫn đang tiếp tục đề nghị Chính phủ, Bộ Công Thương khởi xướng điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước.

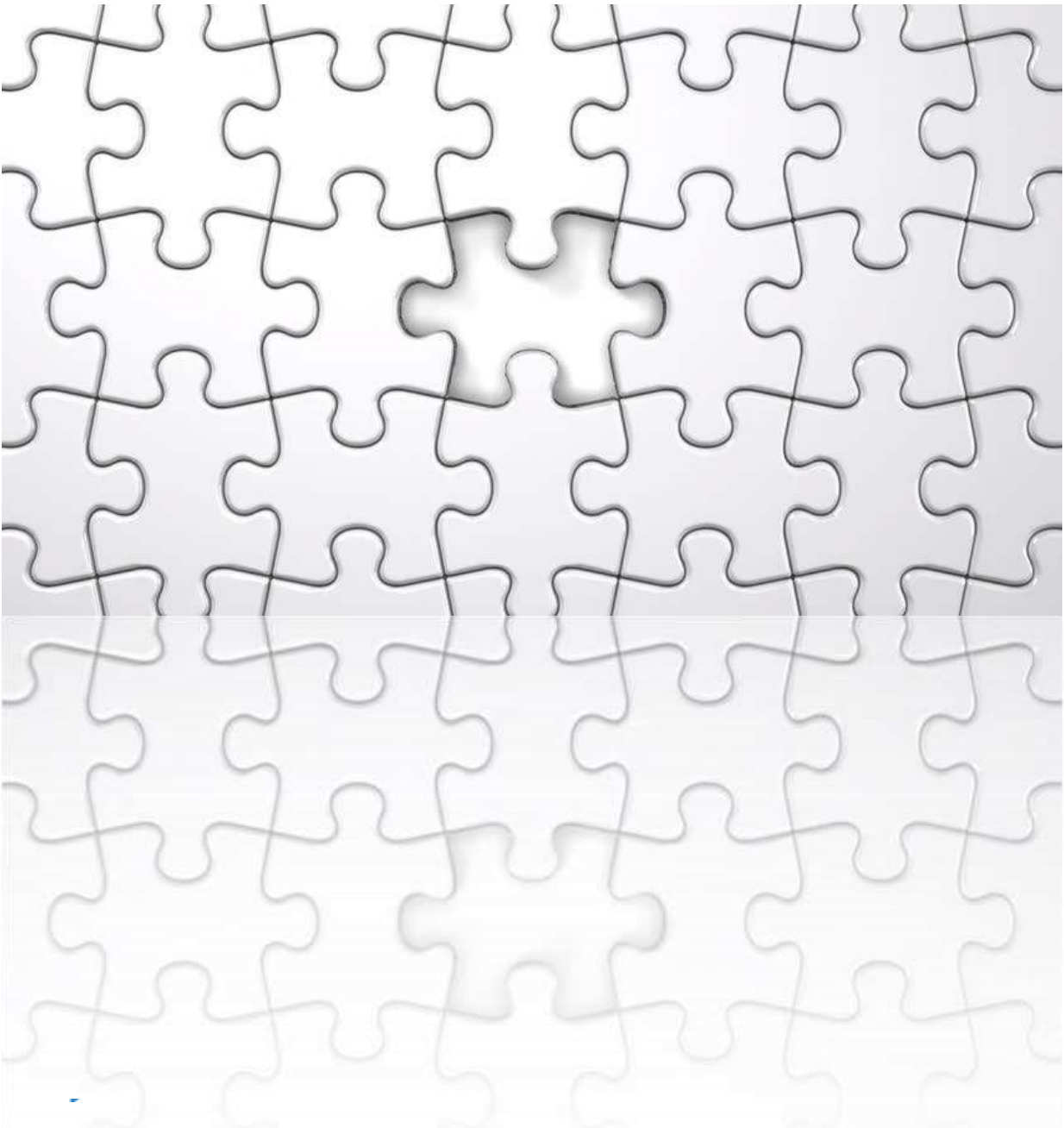
Đánh giá về ngành công nghiệp, xây dựng và bất động sản trong nước cho thấy những lĩnh vực này có nhiều triển vọng tích cực trong thời gian tới do vậy dự báo về nhu cầu tiêu thụ thép trong nước sẽ tăng cao. Sản xuất thép trong nước phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (~70% thép vụn, 40-50% phôi thép phải nhập khẩu) nên giá thép trong nước cũng chịu tác động mạnh từ biến động giá thép thế giới. Mặt khác, khi nguồn cung cấp nguyên liệu không ổn định sẽ khiến cho việc dự báo giá cả, nhu cầu sản xuất bán hàng của công ty trở nên khó khăn. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Do vậy thép Nam Kim luôn có những biện pháp, những chiến lược phù hợp để bám sát thị trường, phản ứng kịp thời đối với những biến động về nguyên vật liệu để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, kiểm soát tốt chi phí, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận đúng như kế hoạch đã đề ra.



RỦI RO CẠNH TRANH

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), kết thúc đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và hình thành Cộng đồng ASEAN sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước.

Thị trường Việt Nam vốn là một thị trường lớn với tổng lượng tiêu thụ hằng năm luôn ở mức cao. Ngành thép Việt Nam nhìn chung có sức cạnh tranh yếu hơn so với các nước sản xuất lớn trên thế giới, đặc biệt là Trung Quốc. Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô nhà máy của Việt Nam quá thấp so với Trung Quốc dẫn đến khó cạnh tranh về chi phí. Kết quả là mặc dù các công ty trong nước sản xuất nhiều hơn nhu cầu nội địa nhưng Việt Nam vẫn nhập khẩu thép của thế giới. Để đối phó với vấn đề này, công ty không những phải nâng cao chất lượng sản phẩm của chính mình mà còn phải có chiến lược mở rộng năng lực sản xuất và hệ thống bán hàng để nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp khác cả trong và ngoài nước.





RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Nguyên liệu thép đầu vào của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, vì vậy việc thanh toán các hợp đồng nhập khẩu phải bằng ngoại tệ. Ngoài ra, trong năm xuất khẩu thép của Công ty cũng tăng vượt bậc, do đó, biến động tỷ giá sẽ là một rủi ro ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2017, theo số liệu cập nhật cuối năm của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá đo la Mỹ bình quân tăng 1,40% so với năm 2016, điều này đã góp phần tạo ra lợi thế cho sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu Thép của Công ty ra một số quốc gia khác.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác như các hiện tượng thiên tai (động đất, lũ lụt), chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo... là những rủi ro bất khả kháng và ít có khả năng xảy ra. Nhưng khi xảy ra thì những rủi ro này có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Do đó, Công ty luôn nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... cũng như lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro này đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thực hiện đúng như kế hoạch.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- ✓ **Hội đồng quản trị**
- ✓ **Ban kiểm soát**
- ✓ **Ban điều hành công ty**
- ✓ **Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban Điều hành**
- ✓ **Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động**

CƠ CẤU BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Ông Phạm Mạnh Hùng	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Trần Ngọc Diệu	Kế toán trưởng

Ông Phạm Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh Doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.022.239 cổ phần - tỷ lệ 0,79%

Quá trình công tác:

- 1987 – 2004: Trưởng phòng KH-KD công ty VTTH - Bình Định
- 2004 – 2007: Trưởng phòng KHTH sở kế hoạch Bình Định
- 2007 – 2011: Giám đốc KH và phó Tổng Giám Đốc - CTCP Tập đoàn Hoa Sen
- 2011 – 2013: Phó Tổng Giám Đốc CTCP Thép Nam Kim
- 2013 – nay: Tổng Giám Đốc CTCP Thép Nam Kim

Ông Nguyễn Vinh An – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 396.428 cổ phần – tỷ lệ 0,3%

Quá trình công tác:

- ✓ 04/2003 - 11/2003: Công tác tại Công ty xây lắp điện 2
- ✓ 2003 – 2007: Công tác tại Công ty SunSteel
- ✓ 2007 – 2011: Công tác tại CTCP Hoa Sen
- ✓ 2011 – nay: Công tác tại CTCP Thép Nam Kim



Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 343.504 cổ phần - tỷ lệ 0,26%

Quá trình công tác:

- ✓ 2002 – 2011: CTCP Hoa Sen
- ✓ 2011 – nay: CTCP Thép Nam Kim

Ông Nguyễn Quốc Phong – Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Kinh tế thương mại

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 289.400 cổ phần – tỷ lệ 0,22%

Quá trình công tác:

- ✓ 03/2001 - 11/2006: Công tác tại Công ty xây dựng Hùng Vương
- ✓ 4/2007 - 06/2010: Công tác tại CTCP Hoa Sen
- ✓ 03/2012 – nay: Công tác tại CTCP thép Nam Kim

Ông Quảng Trọng Lăng – Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 285.980 cổ phần – tỷ lệ 0,22%

Quá trình công tác:

- ✓ 11/2011 – 12/2013: Công tác tại CTCP Thép Nam Kim
- ✓ 02/12/2013 – nay : Giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Kế Hoạch và Cung Ứng

Bà Trần Ngọc Diệu – kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 405.226 cổ phần – tỷ lệ 0,31%

Quá trình công tác:

- ✓ Đến ngày 19/11/2011: Phòng KSNB Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
- ✓ Đến ngày 30/11/2013: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
- ✓ 12/2013 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nam Kim



CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG HỒ MINH QUANG –
CHỦ TỊCH HĐQT**

**ÔNG PHẠM MẠNH HÙNG-
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÀ TRẦN UYỂN NHÀN –
THÀNH VIÊN HĐQT**

**ÔNG LƯƠNG THANH BÌNH
– THÀNH VIÊN HĐQT**

**ÔNG NGUYỄN VINH AN –
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Hồ Minh Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh Doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 13.440.033 cổ phần - tỷ lệ 10,34%

Quá trình công tác:

- ✓ 1998 – 2007: Giám Đốc Công ty TNHH Thái Sơn
- ✓ 2007 – 2009: Giám Đốc Công ty TNHH Minh Phát
- ✓ Từ 10/2009: Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Nam Kim
- ✓ 2010 – 2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc CTCP Thép Nam Kim
- ✓ 09/2011 – nay: Chủ tịch CTCP Thép Nam Kim

Ông Lương Thanh Bình - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 343.504 cổ phần - tỷ lệ 0,26%

Quá trình công tác:

- ✓ 1993 – 2003: Công tác tại đại lý hàng hải VN VOSA
- ✓ 2003 - 2014: Công tác tại Công ty TNHH Ánh Hào Quang
- ✓ 2014 - nay: Thành Viên HĐQT CTCP Thép Nam Kim

Bà Trần Uyên Nhân – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 11.836.140 cổ phần - tỷ lệ 9,1%

Quá trình công tác:

- ✓ 2000 – 2010: Giám đốc Công ty TNHH Nghiệp Quyền
- ✓ 2010 – nay: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Trường Giang
Thành viên Hội đồng quản trị HĐQT CTCP Thép Nam Kim

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

Chức Vụ

Bà Phan Thị Vân Anh

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Trương Thế Thiện

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Võ Thị Vui

Thành viên Ban Kiểm Soát

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm vừa qua, không có sự thay đổi trong Ban điều hành Công ty



CHANGE

Bà Phan Thị Vân Anh – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1981

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng toán – tin

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 3.201 cổ phần – tỷ lệ 0,005%

Quá trình công tác:

- ✓ 2002 – 2003: Công tác tại Công ty giày da Pouyen - Bình Chánh
- ✓ 2003 - 2004: Công tác tại Công ty Giày da Hùng Huy - Bình Chánh
- ✓ 2004 – nay: Công tác tại CTCP Thép Nam Kim

Ông Trương Thế Thiện – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ 11/2010-6/2012: Nhân viên dự án chi nhánh CTCP Thép Nam Kim
- ✓ 6/2012-12/2013: Trưởng phòng KCS-Hóa nhiệm chi nhánh CTCP Thép Nam Kim
- ✓ 12/2013-nay: Phó Giám Đốc sản xuất chi nhánh CTCP Thép Nam Kim
- ✓ 4/2015- nay: Thành viên Kiểm soát CTCP Thép Nam Kim

Bà Võ Thị Vui – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1986

Nơi sinh: Tây Ninh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- ✓ 12/2017 – 02/2010: Làm việc tại Công ty TNHH CNA Chemical – Bình Dương
- ✓ 03/2010 – nay: Làm việc tại CTCP Thép Nam Kim

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tổng số lao động năm 2017 là: 1201 người

Trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Tỷ trọng 2017
A	Theo trình độ	1201	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	227	18,9%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	411	34,22%
3	Khác	563	46,88%
B	Theo giới tính	1201	100,00%
1	Nam	1106	92,09%
2	Nữ	95	7,91%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

STT	Năm	Mức lương bình quân (triệu đồng/ tháng / người)
1	2015	8.788.675
2	2016	8.501.645
3	2017	9.740.304
4	Dự kiến 2018	9.740.304

CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

- ✓ Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Nhận thức được điều này, Công ty luôn chú trọng vào công tác xây dựng đội ngũ lao động chất lượng và tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo lợi ích cho người lao động như Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, chế độ nghỉ theo quy định của luật lao động. Đối với cán bộ công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo tiến độ sản xuất, tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- ✓ Chế độ làm việc dành cho người lao động được thực hiện đúng theo Luật lao động và các quy định của Pháp luật. Công ty xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và bình đẳng, góp phần tạo ra lực đẩy gia tăng năng suất. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang, giúp cán bộ công nhân viên có việc làm thoải mái, tiện nghi để phát huy tối đa tính sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu suất lao động góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- ✓ Nhân sự là nguồn lực quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, họ là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Ý thức được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tổ chức tuyển dụng với mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: Có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- ✓ Đồng thời, Công ty luôn thực hiện các khóa đào tạo bằng cách tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân như đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho công nhân, đào tạo thi nâng bậc cho công nhân. Ngoài ra, đối với những hội thảo triển khai các văn bản pháp luật mới sẽ được Công ty phân công cán bộ tham dự và sẽ phổ biến lại cho khối nghiệp vụ liên quan, đồng thời tổ chức bắt buộc đối với toàn bộ người lao động tham gia sản xuất trực tiếp một số khóa huấn luyện như đào tạo huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu. Ngoài ra, Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để tạo sự gắn bó lâu dài, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Chính sách lương và thưởng

- ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh của NKG trong những năm qua luôn diễn ra liên tục và ổn định, Công ty luôn đảm bảo về các chính sách trả lương cho CBNV đúng thời hạn. Trong năm 2017, tính bình quân thì số lượng người lao động của Công ty đạt 1201 người. Thu nhập bình quân năm 2017 đạt 9,740 triệu đồng/người, so với 2016, thu nhập bình quân đã tăng 14,57%. Việc trả lương được xác định đúng với hiệu quả kinh doanh, trình độ tay nghề cũng như tinh thần trách nhiệm của người lao động, đảm bảo sự công bằng, hợp lý và tuân thủ đúng theo Luật lao động.
- ✓ Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành trả lương theo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu suất làm việc. Đối với cán bộ quản lý, áp dụng lương, thưởng theo kết quả hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs). Các chính sách lương, thưởng của Công ty luôn hướng tới đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, xây dựng khoảng cách lương hợp lý nhằm phát huy năng lực đóng góp của từng cán bộ. Khuyến khích người lao động tăng năng suất và chất lượng sản phẩm bằng cách thưởng định kỳ thông qua hiệu suất công việc, thưởng đột xuất cho những cải tiến hoặc sáng kiến giúp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.



**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**





- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

NAM KIM - CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

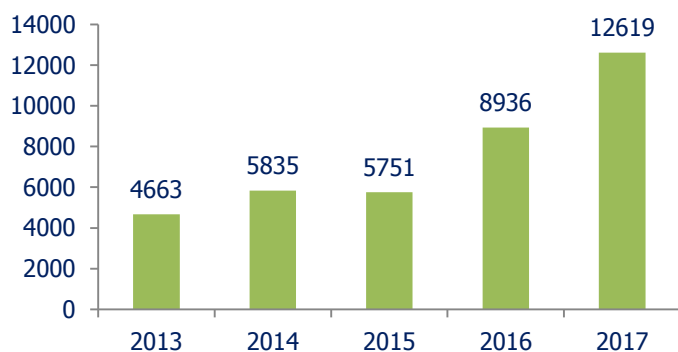
Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	%TH/KH 2017	%TH 2017/2016
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.936	12.000	12.619	105,16%	141,22%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	660	1.300	1.300	100,00%	196,97%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	518	600	707,5	117,92%	136,58%
LNST/DTT	%	5,80%	5,00%	5,61%	112,20%	96,72%
LNST/VĐL	%	78,48%	46,15%	54,46%	118,00%	69,39%

Nổi tiếp đà phát triển từ năm 2016, NKG tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng không kém phần ấn tượng trong năm 2017. Kết thúc năm tài chính 2017, NKG ghi nhận doanh thu đạt 12.619 tỷ đồng tăng tương ứng 41,22% so với năm 2016.

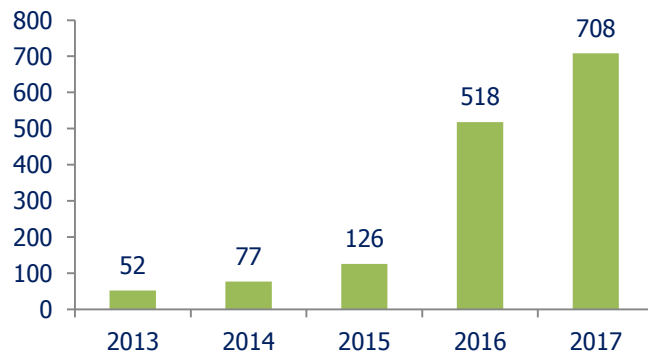
Tuy nhiên với việc các chi phí tăng mạnh và giá vốn không còn được hưởng lợi từ giá nguyên liệu rẻ từ tồn kho như năm 2016 khiến cho tốc độ tăng trưởng lợi nhuận có phần chưa theo kịp đà tăng trưởng doanh thu. Lợi nhuận sau thuế của NKG đạt 707,5 tỷ đồng tăng trưởng khoảng 136,58%.

Mặc dù là doanh nghiệp được thành lập sau, nhưng NKG ngày càng cho thấy được tiềm năng tăng trưởng của mình và từng bước chiếm lĩnh thị phần tôn thép.

Doanh thu qua các năm



Lợi nhuận sau thuế qua các năm



CƠ CẤU DOANH THU



Loại doanh thu	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu nội địa	Triệu đồng	5.004.627	55,97%	7.105.490	56,23%
Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	3.869.039	43,27%	5.502.559	43,54%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	67.949	0,76%	29.501	0,23%
Tổng cộng	Triệu đồng	8.941.615	100%	12.637.549	100%



Từ biểu đồ có thể thấy cơ cấu các mảng doanh thu không biến động nhiều so với năm 2016, doanh thu nội địa đang chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng doanh thu. Năm 2017 khoản mục này đạt mức 7.105 tỷ đồng chiếm 56,23% tổng doanh thu điều này phản ánh đúng với xu hướng thị trường khi nhu cầu về tôn mạ nội địa đang tăng mạnh. Bên cạnh việc tăng công suất để đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa, công ty cũng đẩy mạnh hoạt động tiếp thị để tăng doanh số bán hàng.

Năm 2017, Công ty đã đẩy mạnh mở rộng thị trường, thị phần xuất khẩu sản phẩm hàng hóa đến các nước đã ổn định giúp cho doanh thu xuất khẩu tăng hơn 42%, giá trị xuất khẩu cũng chiếm tỷ trọng khá cao 43,54% trong cơ cấu doanh thu của NKG năm 2017. Nhờ việc Mỹ đang đẩy mạnh áp thuế chống bán phá giá lên các mặt hàng thép Trung Quốc nên xuất khẩu tôn mạ NKG đang được hưởng lợi thế cạnh tranh từ sự kiện này.

Trong thời gian tới với việc nâng cao công suất sản xuất nhờ vào việc đưa vào hoạt động thêm nhiều dây chuyền mới, cùng với tiềm năng tăng trưởng lớn khi nhà máy Nam Kim 3 đi vào hoạt động, Ban lãnh đạo công ty hy vọng sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều kết quả tích cực hơn nữa, qua đó tạo được việc làm ổn định cho người lao động và mang lại nhiều lợi ích kinh tế hơn nữa cho cổ đông Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



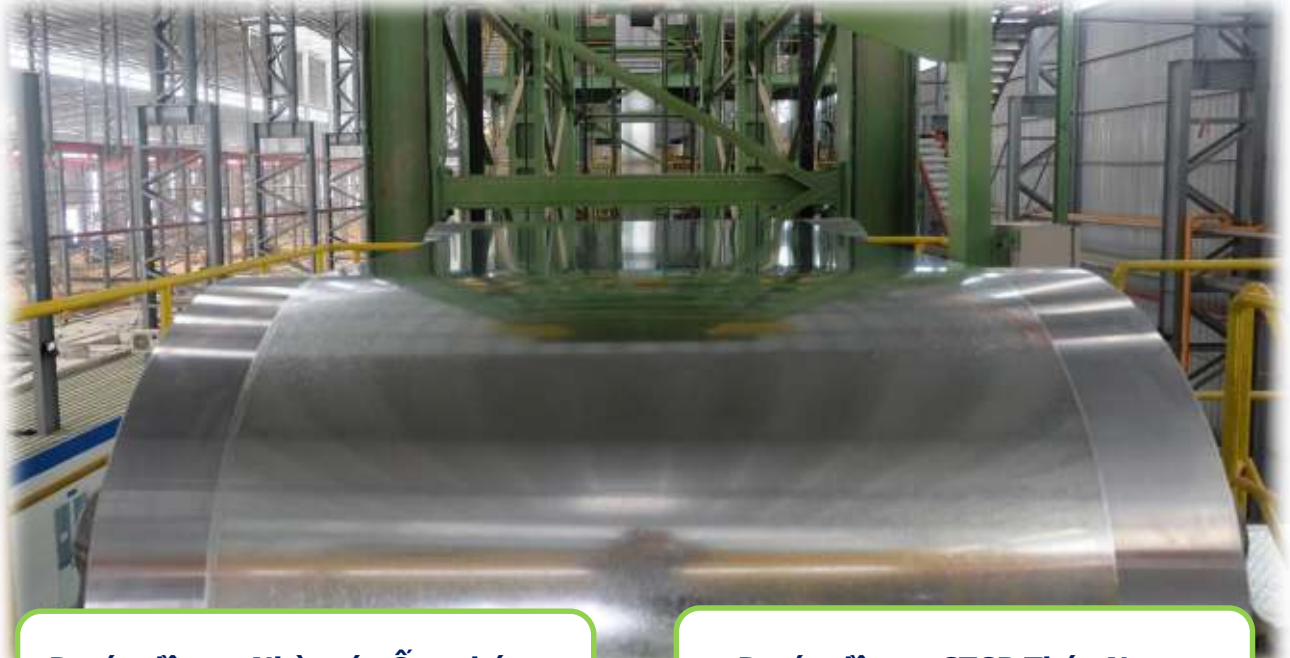
Dự án đầu tư Nhà máy Nam Kim 3

Dự án Nhà máy Thép – Tấm lợp Nam Kim 3 được đầu tư với công nghệ hiện đại nhất Châu Âu nhằm sản xuất ra các dòng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của các thị trường khó tính Như Mỹ, Nga, Tây Âu,...

Trong năm 2017 Nam Kim hoàn thành toàn bộ chuỗi sản xuất khép kín tại Nhà Máy Nam Kim 03. Các dây chuyền mới được lắp đặt, vận hành và cho ra sản phẩm trong năm 2017:

- ✓ 01 Dây chuyền mạ NOF công suất 150,000 tấn/năm.
- ✓ 01 Dây chuyền Mạ NOF công suất 350,000 tấn/năm (Đang triển khai theo tiến độ, dự kiến T9.2018 đưa vào SX);
- ✓ 01 Dây chuyền Mạ màu công suất 120,000 tấn/năm.
- ✓ 01 Dây chuyền Cán nguội công suất 200,000 tấn/năm;

Dự án nằm ở vị trí chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Bình Dương với hệ thống giao thông thuận lợi, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại cùng với nguồn nhân lực dồi dào, nhiều năm kinh nghiệm của CBCNV công ty Kết hợp hệ thống dây chuyền hiện đại, khép kín là một lợi thế cạnh tranh lớn về chất lượng sản phẩm cũng như chi phí sản xuất được tiết giảm tối đa tiêu hao nhiên liệu, hạ giá thành sản phẩm.



Dự án đầu tư Nhà máy Ống thép Nam Kim 4

Dự án Nhà Máy Ống Thép Nam Kim 4 được khởi công xây dựng từ T04.2016 trên diện tích 32,000 m² với vốn điều lệ 79 tỷ đồng. Hiện nay, Nhà máy vận hành 09 máy sản xuất thép hộp với tổng công suất 180,000 tấn/năm.

Dự án đầu tư CTCP Thép Nam Kim Corea

CTCP Thép Nam Kim Corea đã được thành lập vào Quý 2 năm 2017.

CTCP Thép Nam Kim Corea có vốn điều lệ: 91.450.000.000 đồng với tỷ lệ góp vốn như sau:

- CTCP Thép Nam Kim: 72.000.000.000 đồng
- Unicoh Specialty Chemicals: 3.450.000.000 đồng
- Ông La Văn Tốt: 16.000.000.000 đồng



Đầu tư Dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ (Giai đoạn 1)

- Mục tiêu: Sản xuất các sản phẩm tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn với nguồn nguyên liệu là thép cán nóng, thép cán nguội.
- Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.
- Quy mô của dự án: Sản xuất sản phẩm của các dây chuyền: Dây chuyền mạ kẽm 350.000 tấn/năm; 02 Dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm: 300.000 tấn/năm và 150.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ các sản phẩm công nghệ mới 200.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ màu 150.000 tấn/năm.

Tiến độ thực hiện dự án:

- ✓ Ngày 07/02/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã ban hành Văn bản số 232/BQL-ĐT về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Đại Dương, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- ✓ Ngày 20/3/2018, Công ty Nam Kim và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương đã ký kết hợp đồng thuê đất với diện tích 326.851,3 m²; tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Đại Dương nêu trên;
- ✓ Hiện nay Công ty đang thực hiện đánh giá tác động môi trường để hoàn thiện thủ tục pháp lý xin cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

Đầu tư Dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ 2 (Giai đoạn 2)

- ✓ Tên dự án: Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ 2;
- ✓ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim;
- ✓ Địa điểm thực hiện dự án: Đường số 1a khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Đại Dương, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- ✓ Diện tích đất sử dụng: 176.851,3 m²;
- ✓ Tổng vốn đầu tư: 4.700.000.000.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm tỷ đồng);
- ✓ Mục tiêu: Sản xuất các sản phẩm thép cán nguội với nguồn nguyên liệu là thép cán nóng;
- ✓ Quy mô dự kiến của dự án: Sản xuất sản phẩm của các dây chuyền: Dây chuyền tẩy rửa 1.200.000 tấn/năm; Dây chuyền cán nguội Tandem: 1.200.000 tấn/năm.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	6.390.221.995.979	10.174.453.444.426	59,22%
Doanh thu thuần	8.936.246.665.867	12.619.284.032.573	41,22%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	1.011.970.069.964	1.368.371.344.437	35,22%
Lợi nhuận khác	348.453.097	19.550.346.442	5.510,61%
Lợi nhuận trước thuế	607.765.121.634	781.486.244.287	28,58%
Lợi nhuận sau thuế	517.769.618.974	707.512.319.409	36,65%

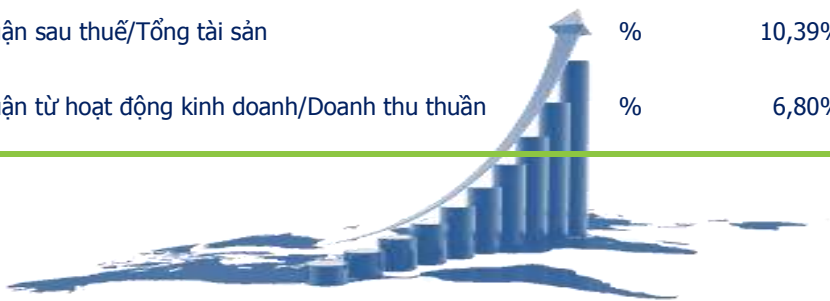
Doanh thu thuần có sự gia tăng từ 8.946 tỷ đồng lên 12.619 tỷ đồng với con số tăng trưởng 41,22%. Đây cũng là mức doanh thu cao nhất trong một vài năm trở lại đây của Thép Nam Kim. Năm vừa qua, do giá vốn hàng bán tăng mạnh đến gần 42% nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ còn 1.368 tỷ đồng, tăng 35,22% . Lợi nhuận khác tăng đột biến, lên đến 5.510,61% tuy nhiên các chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính đều gia tăng đã kéo theo khoản lợi nhuận sau thuế chỉ tăng nhẹ.





CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,37
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75,27%	71,10%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	304,33%	246,02%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,06	3,67
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,79	1,52
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,79%	5,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	46,64%	31,30%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,39%	8,54%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,80%	6,04%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

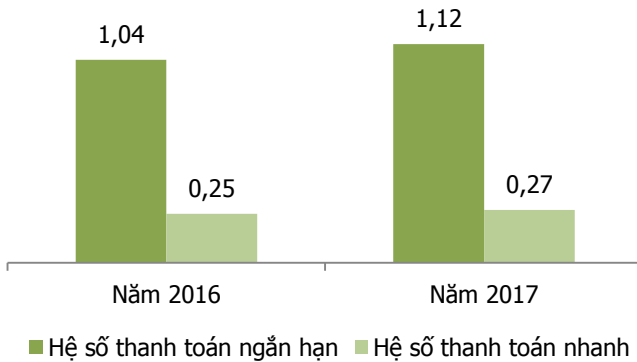
Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 có sự gia tăng so với năm trước từ 1,04 lần lên 1,12 lần, nguyên nhân dẫn đến sự biến động này do tài sản ngắn hạn đã tăng lên với tỷ lệ lớn hơn so với nợ ngắn hạn. Cụ thể tài sản ngắn hạn đã tăng đến 99,32%, chủ yếu do hàng tồn kho mà trong đó phần lớn là nguyên liệu vật liệu dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm có sự gia tăng. Trong khi đó, khoản mục nợ ngắn hạn cũng tăng lên 85,79%. Riêng hệ số thanh toán nhanh không có sự thay đổi nhiều so với năm 2016. Như vậy, các hệ số phản ánh khả năng thanh toán của Nam Kim không có sự biến động lớn so với năm trước, cho thấy Nam Kim vẫn giữ vững được năng lực thanh toán.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

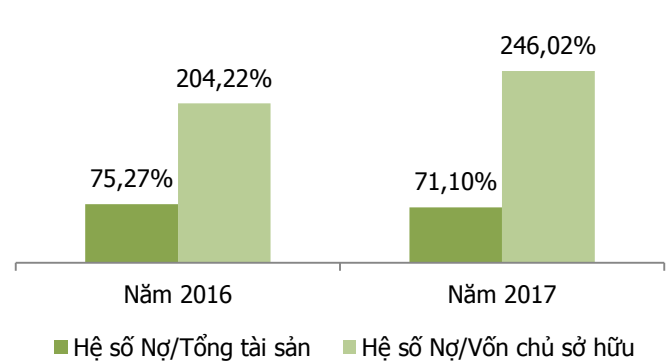
Cơ cấu vốn của Nam Kim trong năm 2017 có sự thay đổi khi cả hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều suy giảm: Hệ số nợ trên tổng tài sản có sự sụt giảm nhẹ so với năm trước, từ 75,27% xuống còn 71,10% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 304,33% xuống còn 246,02%.

Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm nhẹ so với năm trước do tổng tài sản có tỷ lệ gia tăng lớn hơn tỷ lệ tăng của nợ phải trả. Bên cạnh đó, tỷ lệ gia tăng của vốn chủ sở hữu cũng lớn hơn khi so với tỷ lệ gia tăng của nợ phải trả do trong năm công ty đã thực hiện các hình thức phát hành theo phương án đã trình đại hội. Điều này làm hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu sụt giảm từ 304,33% xuống còn 246,02%.

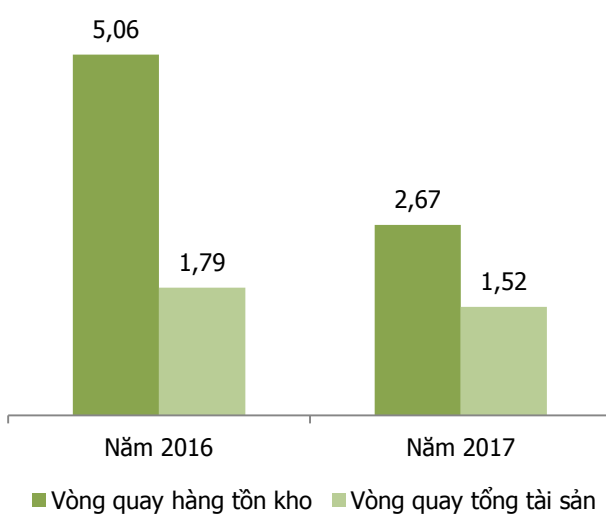
Khả năng thanh toán



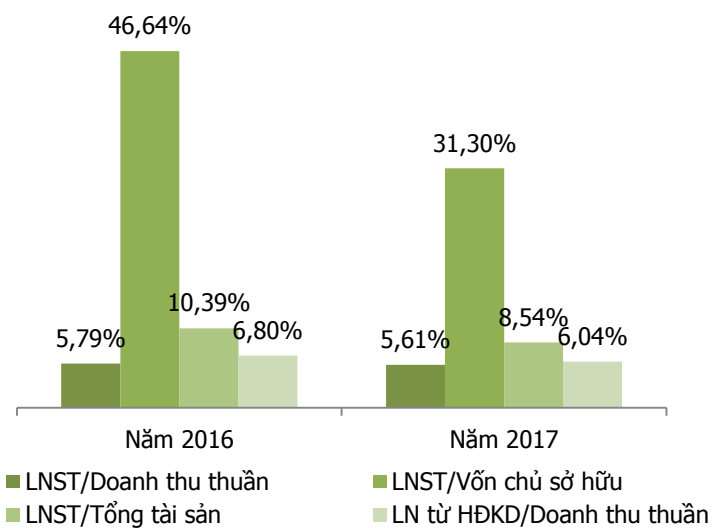
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Năng lực hoạt động



Khả năng sinh lời



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhóm các chỉ số năng lực hoạt động năm 2017 đều giảm so với năm 2016. Cụ thể: vòng quay hàng tồn kho ghi nhận giảm đột biến so với năm trước từ mức 5,06 lần xuống còn 3,67 lần và vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,79 lần xuống 1,52 lần.

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm do Hàng tồn kho tăng mạnh hơn 2.057 tỷ đồng cao hơn mức tăng của Giá vốn hàng bán. Hàng năm vào những tháng cuối năm Công ty sẽ tiến hành mua nguyên vật liệu để sản xuất cho kỳ tiếp theo, tuy nhiên trong năm tiếp theo Nhà máy Nam Kim 3 dự kiến hoàn thành và đi vào sử dụng, để đáp ứng được số lượng nguyên liệu đầu vào sẽ gia tăng trong năm tới Công ty đã tăng mạnh hoạt động mua nguyên vật liệu; ngoài ra việc đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất mới trong quý 4/2017 cũng giúp gia tăng sản lượng và làm thành phẩm trong Hàng tồn kho của Công ty tăng. Chỉ số vòng quay tổng tài sản giảm do mặc dù doanh thu thuần cũng có sự gia tăng nhưng tỷ lệ vẫn nhỏ hơn so với tổng tài sản cho thấy tài sản Công ty đầu tư chưa mang lại hiệu quả doanh thu cao.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty đều giảm trong năm qua. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế có sự gia tăng nhưng nhỏ hơn nhiều so với doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản. Trong năm Công ty có tiến hành tăng vốn và đầu tư đưa vào hoạt động hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín trong quý 4/2017, những khoản đầu tư này chưa tạo được doanh thu tương xứng; Trong khi các khoản chi phí của Công ty đều tăng mạnh đã làm giảm mức tăng trưởng của lợi nhuận. Tuy vậy, NKG vẫn hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra và có sự tăng trưởng nhất định.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Cổ phần phổ thông: 130.000.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 130.000.000 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 30.000.000 cổ phần



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	2308	79774928	61,37%
	Cổ đông tổ chức	36	30914598	23,78%
	Cổ đông cá nhân	2272	48860330	37,59%
II	Cổ đông nước ngoài	59	50225072	38,63%
	Cổ đông tổ chức	32	50199211	38,61%
	Cổ đông cá nhân	27	25861	0,02%
III	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
Tổng cộng		2367	130000000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hồ Minh Quang	13.440.033	10,34%
2	Trần Uyển Nhân	11.836.140	9,1%
3	Công Ty TNHH Tmdv Đầu Tư P&Q	18.468.000	14,2%
4	Unicoh Specialty Chemicals Co.,Ltd	9.000.000	6,92%
5	Vietnam Enterprise Investments Limited	15.000.000	11,54%
6	Amersham Industries Limited	8.475.000	6,52%
Tổng cộng		76.219.173	58,63%



- ✓ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Tổng giám đốc về ý kiến kiểm toán**





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





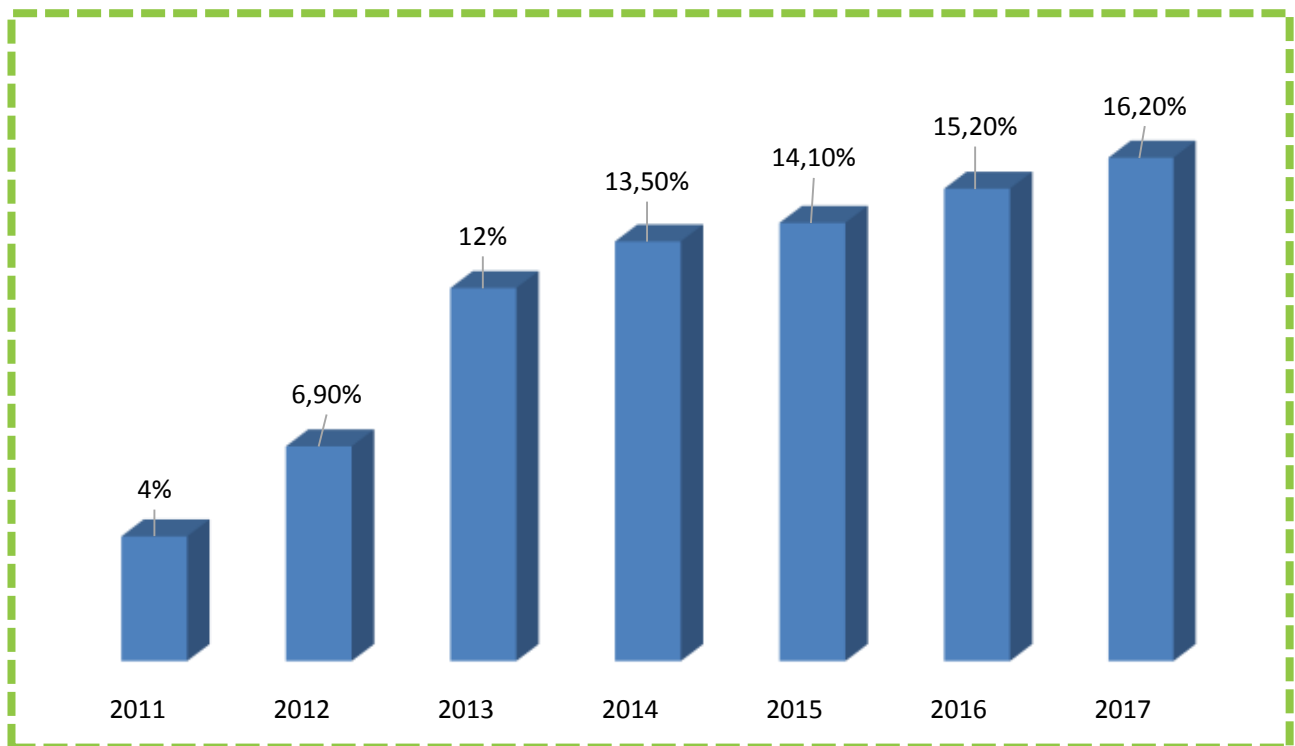
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	%TH/KH 2017	%TH 2017/2016
Sản lượng tiêu thụ	Ngàn tấn	747	800	854	106,75%	114,32%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.936	12.000	12.619	105,16%	141,22%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	660	1.300	1.300	100,00%	196,97%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	518	600	707,5	117,92%	136,58%
LNST/DTT	%	5,80%	5,00%	5,61%	112,20%	96,72%
LNST/VĐL	%	78,48%	46,15%	54,46%	118,00%	69,39%

Năm 2017 CTCP Thép Nam Kim đạt được kết quả kinh doanh như sau: Sản lượng đạt 854.000 tấn, tăng 14,32% so với năm 2016, hoàn thành và vượt 6,75% so với kế hoạch đặt ra; Doanh thu thuần đạt 12.619 tỷ đồng tăng 41,22% so với năm 2016 và đạt 105,16% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 707,5 tỷ đồng, tăng 36,58% so với năm 2016 và đạt 17,92% so với kế hoạch đặt ra.

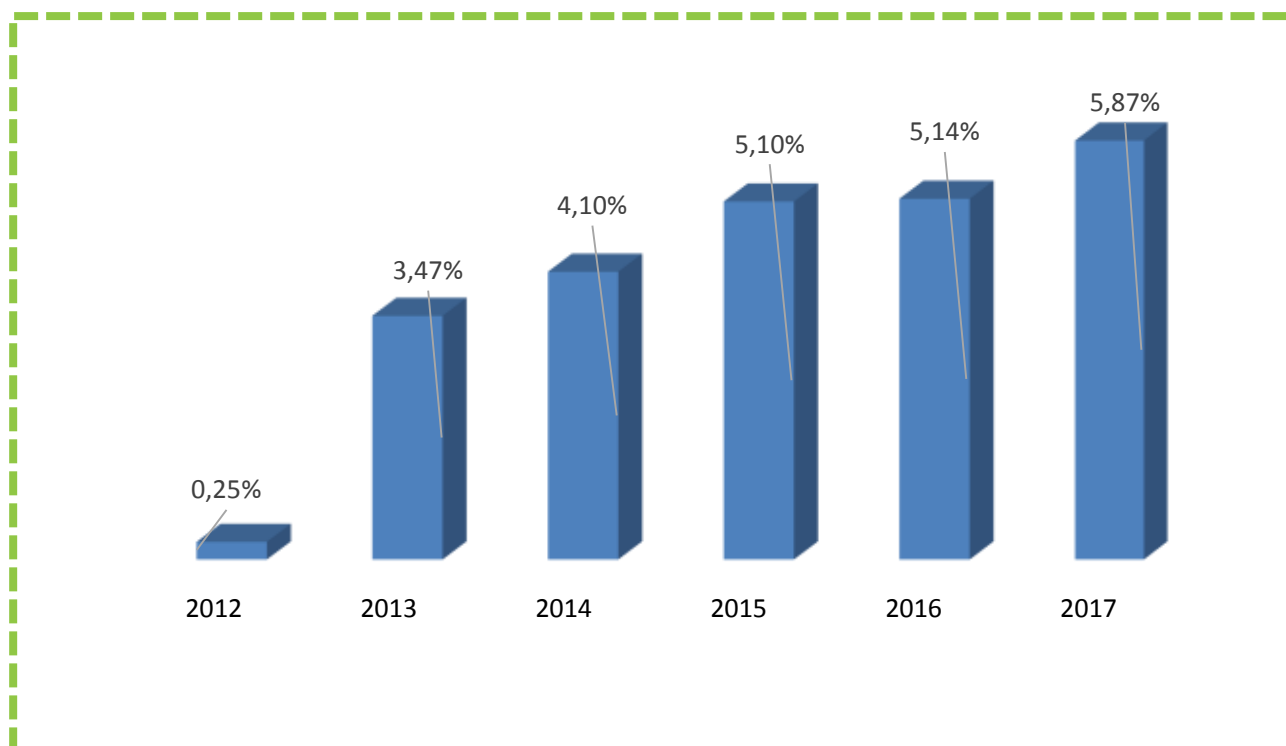
Nổi tiếp đà phát triển từ năm 2016, Nam Kim tiếp tục tăng trưởng ấn tượng trong năm 2017. Hiện tại, NKG đang có những kế hoạch đầu tư lớn để nâng công suất lên gấp đôi, cùng với việc đầu tư công nghệ hiện đại nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm để tiến đến các thị trường khác như Mỹ, Úc, châu Âu và Nam Phi bên cạnh thị trường truyền thống như Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Myanmar, Philippine... Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện các chính sách, các giải pháp phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và biến động của giá cả thị trường:

- ✓ Chính sách nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm sản xuất, tăng tỷ lệ hàng chính phẩm, giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn; Nâng cao tỷ trọng sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng có biên lợi nhuận cao;
- ✓ Tăng cường và phát triển khách hàng mới các phân khúc bán hàng, mở rộng tăng trưởng thị phần, sử dụng chính sách linh hoạt giá bán, các chính sách quản lý công nợ phù hợp, chính sách lương kinh doanh.
- ✓ Thực hiện quản lý tồn kho hiệu quả tất cả các công đoạn sản xuất; Rà soát quản lý, tiết kiệm các khoản chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý) giúp công ty đạt được những kết quả khả quan.



Về thị phần tôn mạ, theo thống kê của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) thị phần tôn mạ Nam Kim liên tục tăng trưởng nhanh và ổn định qua các năm, từ ở vị trí thứ 8 năm 2011(4%) lên vị trí thứ 5 năm 2012 (6.9%), lên vị trí thứ 2 năm 2013 (12%). Từ đó đến nay (2013 – 2017) Công ty luôn giữ vững vị trí này và luôn tăng trưởng thị phần qua các năm (năm 2014 – 13.5%; năm 2015 – 14.1%; năm 2016 – 15.2%; năm 2017 – 16.2%).

Việc xuất hiện một số doanh nghiệp mới trong ngành là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên với thế mạnh của Nam Kim về quy trình sản xuất khép kín, chủ động đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, xây dựng được hệ thống thị trường, khách hàng thường xuyên, ổn định, các lợi thế về thuế nhập khẩu cùng với thương hiệu đã được chứng nhận và đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm thì có lẽ đối với một doanh nghiệp lớn và nhiều tiềm năng như Thép Nam Kim thì cũng sẽ không ảnh hưởng gì nhiều.



Về thị phần ồng thép mạ kẽm, mặt hàng ồng thép mạ kẽm được Công ty đầu tư và cho ra sản phẩm vào năm 2012, với quy trình sản xuất khép kín, nguyên liệu mạ kẽm được sản xuất theo công nghệ NOF chất lượng cao. Đến nay thương hiệu ồng thép mạ kẽm Nam Kim được đánh giá cao trên thị trường, được người tiêu dùng bình chọn là TOP 10 sản phẩm vàng Thương hiệu Việt, thị phần tăng trưởng nhanh qua các năm (0.25% năm 2012; 3.47% năm 2013; 4.10% năm 2014; 5.10% năm 2015; năm 2016 là 5.14% và năm 2017 là 5.87%).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ 2017/2016
Tài sản	6.390.221.995.979	10.174.453.444.426	159,22%
Tài sản ngắn hạn	3.074.821.310.675	6.128.663.809.851	199,32%
Tài sản dài hạn	3.315.400.685.304	4.045.789.634.575	122,03%
Nguồn vốn	6.390.221.995.979	10.174.453.444.426	159,22%
Nợ ngắn hạn	2.948.433.701.279	5.477.991.990.151	185,79%
Nợ dài hạn	1.861.341.872.102	1.756.006.075.851	94,34%
Vốn chủ sở hữu	1.580.446.422.598	2.940.455.378.424	186,05%

Cơ cấu tài sản

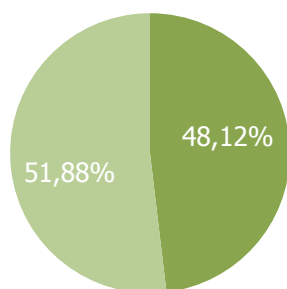
Cơ cấu tài sản năm qua có sự biến động mạnh. Tài sản ngắn hạn đã tăng mạnh gần gấp đôi so với năm 2016 khi đạt 99,32% tương đương mức 6.128,7 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu Tổng tài sản. Nguyên nhân chủ yếu do nguyên liệu và vật liệu dùng trong quá trình sản xuất có sự gia tăng đáng kể. Bên cạnh đó tài sản dài hạn cũng có sự gia tăng nhẹ khoảng 22,03% so với năm trước, đạt mức gần 4.046 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2017, Công ty đang tiếp tục đầu tư Nhà Máy Nam Kim 3 và Nhà máy Ống Thép Nam Kim để mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất và khép kín quy trình công nghệ làm chi phí xây dựng cơ bản dãn dạc và nguyên giá tài sản cố định gia tăng đáng kể. Như vậy, nhờ vào sự gia tăng của cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, tổng tài sản công ty đã tăng đến 59,22% so với năm trước, đạt mức 10.174,45 tỷ đồng.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

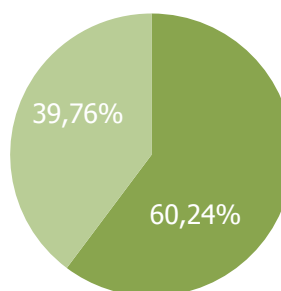
Không có

Năm 2016



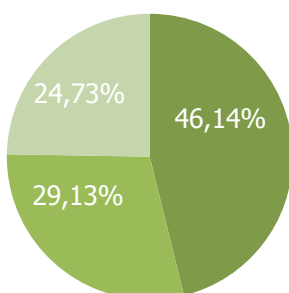
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2017



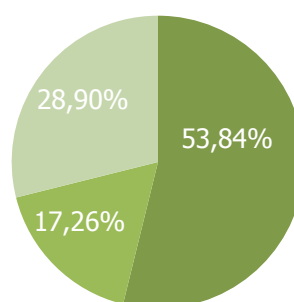
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn ■ Vốn chủ sở hữu

Năm 2017



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn ■ Vốn chủ sở hữu

Cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn của Nam Kim trong năm 2017 có sự biến động lớn: Nợ ngắn hạn tăng tỷ trọng từ 46,14% lên 53,84% vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, nhưng Nợ dài hạn đã giảm mạnh tỷ trọng từ gần 30% xuống hơn 17% và Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ tỷ trọng từ 24,73% lên 28,90%.

Nợ ngắn hạn tăng lên chủ yếu do khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng hơn 85% và phải trả người bán ngắn hạn tăng khoảng 76%. Vay tài chính tăng do Công ty tăng vay nợ chủ yếu với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Công Thương Việt Nam, khoản vay này được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu; Bên cạnh đó Công ty còn có các khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong năm với cùng 02 ngân hàng trên.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Tổ chức triển khai, thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 của HĐQT:

- Doanh thu: 17.000 tỷ đồng
- Sản lượng : 1.000.000 tấn (trong đó Tôn và thép mạ đạt 840.000 tấn)
- Lợi nhuận sau thuế : 750 tỷ đồng
- Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng trưởng thị trường mới, khách hàng mới.
- Tiếp tục triển khai hoàn thành Dây chuyền Mạ NOF công suất 350,000 tấn/năm (dự kiến T9.2018 đưa vào SX); Tiến độ dự án đầu tư Công ty Cổ phần Nam Kim Corea ; Dự án đầu tư Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu.
- Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (Dự kiến 30 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, các tổ chức, công ty tài chính, sản xuất kinh doanh).

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



Các biện pháp thực hiện kế hoạch cụ thể:

- ✓ Tiếp tục kiện toàn toàn bộ Quy trình, quy chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện thời gian cung ứng hàng hóa nhằm đáp ứng một cách nhanh chóng tới khách hàng bằng cách Xây dựng, áp dụng nhiều giải pháp, chính sách đồng bộ: Quy trình giao hàng nội địa, giao hàng xuất khẩu nhằm giảm tối đa thời gian giao hàng, tiếp tục áp dụng và hoàn thiện chính sách về lương kinh doanh áp dụng cho khối sản xuất, cung ứng, khối gián tiếp; tiếp tục hoàn thiện bộ máy kinh doanh, chính sách kinh doanh, lương kinh doanh.
- ✓ Thường xuyên rà soát toàn bộ tồn kho hàng chậm luân chuyển, hàng xuất khẩu rớt lại, hàng loại 2, loại 3,... phân loại đề xuất các phương án xử lý để đạt hiệu quả cao nhất.
- ✓ Xây dựng, kiện toàn hệ thống sản xuất theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm tối đa các chi phí tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất an toàn và liên tục.
- ✓ Phát huy tối đa các lợi thế của hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đang triển khai.
- ✓ Mở rộng các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng đầu tư nâng tầm thương hiệu cho công ty.
- ✓ Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy định, quy chế phù hợp với pháp luật hiện hành.
- ✓ Hoàn thành dự án ERP và các nhiệm vụ HĐQT giao trong năm 2018







BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017 Các chính sách ổn định vĩ mô và tái cơ cấu của chính phủ tiếp tục phát huy hiệu quả: mức tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, lạm phát kim chế ở mức 3,53%, tăng trưởng tín dụng khả quan, lãi suất giảm. Đối với ngành thép, cùng với sự tăng trưởng chung của nền kinh tế và thị trường bất động sản sôi động, đặc biệt là phân khúc nhà ở giúp sản lượng tiêu thụ thép giai đoạn năm 2017 tăng trưởng tương đối khả quan. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp Thép gia tăng công suất nên tạo áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp Thép ngày càng lớn.

Trong năm 2017 HĐQT đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả quản trị:

- ✓ Hội đồng quản trị đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, luân chuyển, của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù, tạo động lực, tạo sức cạnh tranh, kích thích, thúc đẩy, nâng cao uy tín, đạo đức, năng lực, trách nhiệm, đóng góp, cống hiến, của đội ngũ cán bộ quản lý cho sự nghiệp phát triển của công ty;
- ✓ Chỉ đạo hệ thống kế toán thực hiện kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.
- ✓ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và bám sát sản xuất, kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và các kiến nghị của khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng và thời hạn thanh toán tiền hàng.
- ✓ Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận tốt dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Nam Kim; Thường xuyên nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của từng thị trường, theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời;
- ✓ Áp dụng các chính sách lương kinh doanh, lương sản lượng cho các bộ phận Sản xuất và kinh doanh nhằm thúc đẩy động lực sản xuất, bán hàng, nâng cao năng suất và lợi nhuận cho công ty; Ngoài ra HĐQT cũng thường xuyên chú trọng đến việc bảo dưỡng máy móc thiết bị, thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Năm 2017/2016	TH Năm 2017/KH 2017
Sản lượng	Ngàn tấn	747	800	854	114%	107%
Doanh thu	Tỷ đồng	8.936	14.000	12.619	141%	100%
Lãi sau thuế	Tỷ đồng	517	600	707	137%	117%

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chỉ đạo của HĐQT với các mục tiêu sau:

- ✓ Xây dựng phương án kinh doanh, chủ động ứng phó kịp thời với các diễn biến của thị trường; tập trung phát triển thành công mũi nhọn của Công ty là tôn, thép.
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm tra quy trình sản xuất để giảm chi phí
- ✓ Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng thị phần sáng thị trường giàu tiềm năng; tùy tình hình thị trường linh hoạt điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đã theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường có những giải pháp cụ thể để thích ứng điều kiện xuất khẩu của từng thị trường; nâng cao chất lượng, nâng cao vị thế trên thị trường trong và ngoài nước.



Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện các chính sách, các giải pháp phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và biến động của giá cả thị trường:

- ✓ Chính sách nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm sản xuất, tăng tỷ lệ hàng chính phẩm, giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn; Nâng cao tỷ trọng sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng có biên lợi nhuận cao;
- ✓ Tăng cường và phát triển khách hàng mới các phân khúc bán hàng, mở rộng tăng trưởng thị phần, sử dụng chính sách linh hoạt giá bán, các chính sách quản lý công nợ phù hợp, chính sách lương kinh doanh.
- ✓ Thực hiện quản lý tồn kho hiệu quả tất cả các công đoạn sản xuất; Rà soát quản lý, tiết kiệm các khoản chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý) giúp công ty đạt được những kết quả khả quan.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với phương châm "Cam kết chất lượng" - đem đến cho Quý khách hàng những sản phẩm tốt nhất cùng với chính sách chăm sóc chu đáo nhất và giá cả cạnh tranh nhất, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tiếp tục mục tiêu giữ vững vị trí là 1 trong 2 đơn vị dẫn đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc. Với mục tiêu đó, HĐQT luôn có những kế hoạch, những chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn để hướng công ty đến những thành công trong tương lai đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Trong năm tới, HĐQT sẽ có những chỉ đạo cũng như giám sát Ban Tổng giám đốc theo sát tiến độ thực hiện Dự án nhà máy Nam Kim 3 và đầu tư bổ sung thêm các dây chuyền ống thép nhằm đáp ứng kịp thời sản lượng cho các đơn vị hàng xuất khẩu và nội địa để nâng cao tính cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.



Đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng trưởng thị trường mới, khách hàng mới. Tăng cường cải thiện chất lượng sản phẩm, tiếp tục nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới, mẫu mã mới bắt mắt với khách hàng ,tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu.đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.



- Tổ chức triển khai, thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 của HĐQT:
 - ✓ Doanh thu : 17.000 tỷ đồng
 - ✓ Sản lượng : 1.000.000 tấn (trong đó Tôn và thép mạ đạt 840.000 tấn)
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế : 750 tỷ đồng
 - ✓ Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng trưởng thị trường mới, khách hàng mới.

TIẾN ĐỘ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

TT	Dự án đầu tư	Tiến độ thực hiện
1	Dự án đầu tư Nhà máy Nam Kim 3	<p>Dự án Nhà máy Thép – Tấm lợp Nam Kim 3 được đầu tư với công nghệ hiện đại nhất Châu Âu nhằm sản xuất ra các dòng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của các thị trường khó tính Như Mỹ, Nga, Tây Âu,...</p> <p>Trong năm 2017 Nam Kim hoàn thành toàn bộ chuỗi sản xuất khép kín tại Nhà Máy Nam Kim 03. Các dây chuyền mới được lắp đặt, vận hành và cho ra sản phẩm trong năm 2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Dây chuyền mạ NOF công suất 150,000 tấn/năm. - 01 Dây chuyền Mạ NOF công suất 350,000 tấn/năm (Đang triển khai theo tiến độ, dự kiến T9.2018 đưa vào SX); - 01 Dây chuyền Mạ màu công suất 120,000 tấn/năm. - 01 Dây chuyền Cán nguội công suất 200,000 tấn/năm; <p>Dự án nằm ở vị trí chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Bình Dương với hệ thống giao thông thuận lợi, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại cùng với nguồn nhân lực dồi dào, nhiều năm kinh nghiệm của CBCNV công ty Kết hợp hệ thống dây chuyền hiện đại, khép kín là một lợi thế cạnh tranh lớn về chất lượng sản phẩm cũng như chi phí sản xuất được tiết giảm tối đa tiêu hao nhiên liệu, hạ giá thành sản phẩm.</p>
2.	Dự án đầu tư Nhà máy Ống thép Nam Kim (NamKim4)	<p>Dự án Nhà Máy Ống Thép Nam Kim 4 được khởi công xây dựng từ T04.2016 trên diện tích 32,000 m2 với vốn điều lệ 79 tỷ đồng. Hiện nay, Nhà máy vận hành 09 máy sản xuất thép hộp với tổng công suất 180,000 tấn/năm.</p> <p>CTCP Thép Nam Kim Corea đã được thành lập vào Quý 2 năm 2017.</p>
3	Dự án đầu tư Công ty Cổ phần Thép Nam Kim Corea	<p>CTCP Thép Nam Kim Corea có vốn điều lệ: 91.450.000.000 đồng với tỷ lệ góp vốn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CTCP Thép Nam Kim: 72.000.000.000 đồng - Unicoh Specialty Chemicals: 3.450.000.000 đồng - Ông La Văn Tốt: 16.000.000.000 đồng



ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÀ MÁY TÔN NAM KIM PHÚ MỸ (Giai đoạn 1):

- ✓ Mục tiêu: Sản xuất các sản phẩm tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn với nguồn nguyên liệu là thép cán nóng, thép cán nguội.
- ✓ Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.
- ✓ Quy mô của dự án: Sản xuất sản phẩm của các dây chuyền: Dây chuyền mạ kẽm 350.000 tấn/năm; 02 Dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm: 300.000 tấn/năm và 150.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ các sản phẩm công nghệ mới 200.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ màu 150.000 tấn/năm.



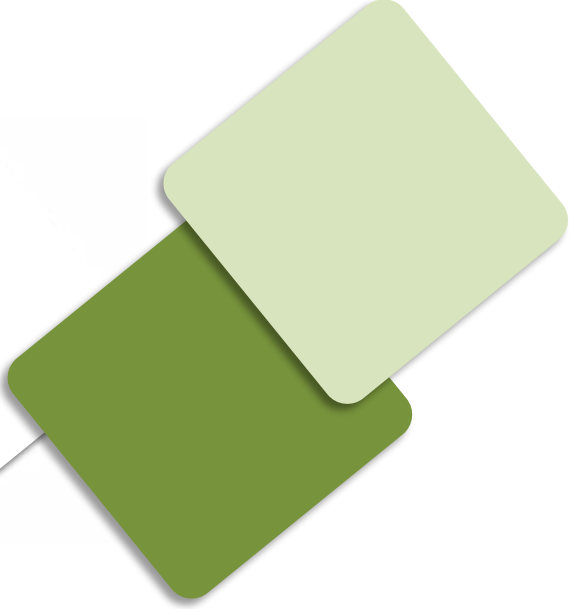
ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÀ MÁY TÔN NAM KIM PHÚ MỸ 2 (Giai đoạn 2)

- ✓ Diện tích đất sử dụng: 176.851,3 m²;
- ✓ Tổng vốn đầu tư: 4.700.000.000.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm tỷ đồng);
- ✓ Mục tiêu: Sản xuất các sản phẩm thép cán nguội với nguồn nguyên liệu là thép cán nóng;
- ✓ Quy mô dự kiến của dự án: Sản xuất sản phẩm của các dây chuyền: Dây chuyền tẩy rửa 1.200.000 tấn/năm; Dây chuyền cán nguội Tandem: 1.200.000 tấn/năm.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





Tại Nam Kim, không gì quan trọng hơn việc đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động. Ở đó nhân viên công ty được làm việc trong môi trường an toàn, các thành viên thân thiện gắn kết với nhau. Toàn bộ nhân viên và người lao động trong năm qua đều được tạo điều kiện khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp và trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Cùng với đó, chế độ lương thưởng, phúc lợi,... đầy đủ giúp người lao động an tâm công tác, cống hiến vì sự phát triển bền vững của Công ty.

ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

"Con người – Cốt lõi để phát triển doanh nghiệp"



Xác định con người là sức mạnh, NKG luôn chú trọng xây dựng một môi trường chuyên nghiệp, năng động và mang đậm văn hóa của Nam Kim. Yếu tố con người và môi trường luôn song hành với nhau và con người được xem là đòn bẩy, là nền tảng.

Nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Nam Kim luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên đồng thời đề cao đạo đức nghề nghiệp trong mỗi người để góp phần cùng nhau xây dựng công ty vững mạnh. Cụ thể, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai định kỳ nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát triển nghề nghiệp trong môi trường cạnh tranh, chuyên nghiệp. Từ đó góp phần đẩy mạnh sự phát triển chung của toàn công ty.

VĂN HÓA NAM KIM

"Con người – Giá trị văn hóa cốt lõi"

Hằng năm Công ty tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể Cán bộ Công nhân viên và mở lớp đào tạo về an toàn lao động cho Công nhân tham gia hoạt động sản xuất trực tiếp tại nhà xưởng.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tình trên 01 nhân viên 48h/người/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Lãnh đạo Công ty tạo ra môi trường học tập trung Doanh nghiệp bằng cách:
 - Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo cụ thể cho từng đối tượng.
 - Dành kinh phí cho các hoạt động đào tạo.
 - Khuyến khích mọi người tham gia các hoạt động đào tạo.
 - Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài.
 - Theo dõi, đánh giá, ghi nhận kết quả đào tạo của người lao động.

Bên cạnh những khoá học đào tạo, công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào; tạo sân chơi sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho nhân viên. Đây là cơ hội để các thành viên trong công ty chia sẻ những quan tâm trong cuộc sống chứ không dừng lại ở mối liên hệ công việc. Từ đó thắt chặt thêm mối quan hệ hợp tác để công việc thuận lợi hơn.

Trách nhiệm với môi trường

"Môi trường xanh - sạch, nền tảng của phát triển bền vững"

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, công tác bảo vệ môi trường cũng được công ty rất chú trọng. Vì môi trường là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững của xã hội.

Hiểu rõ tầm quan trọng đó, là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, Nam Kim đã quyết định chọn giải pháp tập trung đầu tư công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất để giảm thiểu tác động đến môi trường. Không chỉ chọn giải pháp máy móc, song song đó phải kết hợp với yếu tố con người. Cụ thể bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung. Đặc biệt là cam kết về môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh - sạch nhằm giảm thiểu tối đa các loại chất thải ra môi trường xung quanh.

Bên cạnh đó, với hệ thống xử lý nước thải được đầu tư hoàn thiện và công nghệ được cải tiến, Nam Kim cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về việc xử lý chất thải tại doanh nghiệp. Đồng thời, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực không có khả năng tái tạo trong sản xuất để vừa tiết giảm được chi phí sản xuất vừa khai thác có trách nhiệm với các nguồn lực tự nhiên. Thiết kế nhà máy luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, thể hiện trách nhiệm của Công ty trong việc bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm cộng đồng

"Luôn song hành cùng hạnh phúc cộng đồng"

Mỗi con người là một thành viên của Nam Kim. Nam Kim phát triển sẽ góp phần đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Đó là lý do Nam Kim luôn đặt mình đi lên cùng sự phát triển của xã hội, xem sự phát triển của mình phải luôn song hành cùng với sự phát triển của xã hội.

Cũng như những doanh nghiệp đi lên từ kinh doanh, sản xuất... mục tiêu lớn nhất của việc kinh doanh là làm sao đem về lợi nhuận cao nhất. Cũng không ngoại lệ, Nam Kim luôn nỗ lực tìm kiếm những phương án kinh doanh đem lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Nhưng không vì vậy mà xem nhẹ trách nhiệm đối với cộng đồng. Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng

Trách nhiệm cộng đồng được thể hiện qua sự thân thiện với môi trường khi nhà máy được trang bị thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng và hướng tới môi trường sản xuất xanh. Hoạt động của Công ty tạo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, góp phần đảm bảo cuộc sống cho người lao động, giúp ổn định xã hội

Việc chia sẻ lợi ích, lợi nhuận đạt được với cộng đồng xã hội được Nam Kim xác định là một trách nhiệm mà bản thân doanh nghiệp phải thực hiện. Đó cũng là cách để thể hiện sự tri ân với cộng đồng. Cụ thể, Nam Kim luôn sẵn sàng đồng hành cùng chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội có những hành động thiết thực để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các gia đình, các cá nhân có cơ hội vươn lên trong cuộc sống.

Trong nhiều năm qua, Công ty Thép Nam Kim cùng với các doanh nghiệp khác thường xuyên tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống, chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của công ty trong lòng người tiêu dùng. Trong những năm gần đây, công ty thực hiện chương trình "Ngôi nhà nhân ái" cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn trong tỉnh. trao tặng nhà tình nghĩa và quà cho con liệt sĩ.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Không có.

Hoạt động của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	21	100%
2	Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	21	100%
3	Bà Trần Uyển Nhàn	Thành viên HĐQT	21	100%
4	Ông Lương Thanh Bình	Thành viên HĐQT	21	100%
5	Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	21	100%





TÔN NAM KIM

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị vẫn đảm bảo các cuộc họp thường kỳ trong năm 2017, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời chỉ đạo thực hiện kế hoạch, cũng như khắc phục các vấn đề khó khăn gặp phải. Luôn tập trung vào mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, Hội đồng quản trị đã có sự giám sát chặt chẽ đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



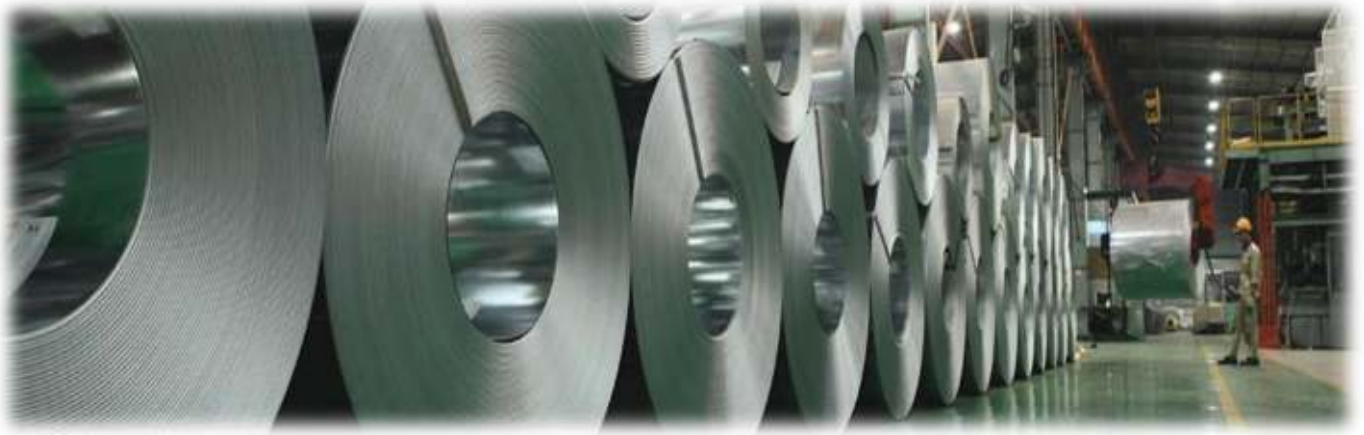
Năm qua, các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập trung vào những nội dung sau:

- ✓ Xây dựng phương án kinh doanh, chủ động ứng phó kịp thời với các diễn biến của thị trường, tập trung phát triển thành công mũi nhọn của công ty là tôn và thép;
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm tra qui trình sản xuất để giảm chi phí;
- ✓ Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu truyền thống, và mở rộng thị phần sang thị trường giàu tiềm năng. Tùy tình hình thị trường linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh;
- ✓ Ban Tổng giám đốc đã theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường có những giải pháp cụ thể để thích ứng điều kiện xuất khẩu của từng thị trường. Nâng cao chất lượng, nâng cao vị thế trên thị trường trong và ngoài nước;
- ✓ Ban Tổng giám đốc đã theo sát tiến độ thực hiện Dự án nhà máy Nam Kim 3 và đầu tư bổ sung thêm các dây chuyền ống thép nhằm đáp ứng kịp thời sản lượng cho các đơn vị hàng xuất khẩu và nội địa để nâng cao tính cạnh tranh.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	11/01/2017	Thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015-2016
2	02/2017/NQ-HĐQT	11/01/2017	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015-2016
3	03/2017/NQ-HĐQT	17/02/2017	Thông qua việc tạm ngừng phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015-2016
4	04/2017/NQ-HĐQT	22/02/2017	Thông qua việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Nam Kim 3
5	05/2017/NQ-HĐQT	24/02/2017	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
6	06/2017/NQ-HĐQT	04/04/2017	Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật
7	07/2017/NQ-HĐQT	05/04/2017	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015-2016
8	08/2017/NQ-HĐQT	05/04/2017	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015-2016
9	09/2017/NQ-HĐQT	25/04/2017	Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện tại TP.HCM
10	10/2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	Thông qua việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Nam Kim 3



STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	13/2017/NQ-HĐQT	23/05/2017	Thông qua việc thành lập Ban quan hệ cổ đông và Bổ nhiệm Trưởng ban Quan hệ cổ đông
2	14/2017/NQ-HĐQT	25/05/2017	Thông qua việc triển khai phương án phát hành ESOP 2017
3	15/2017/NQ-HĐQT	25/05/2017	Thông qua hồ sơ phát hành ESOP 2017
4	16/2017/NQ-HĐQT	01/06/2017	Thông qua việc tăng vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015-2016
5	17/2017/NQ-HĐQT	14/06/2017	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017
6	18/2017/NQ-HĐQT	16/06/2017	Thông qua việc mua lại phần vốn góp, trở thành chủ sở hữu CTCP Ống thép Nam Kim
7	19/2017/NQ-HĐQT	16/08/2017	Thông qua báo cáo đầu tư tiền khả thi dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
8	20/2017/NQ-HĐQT	24/08/2017	Thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược
9	21/2017/NQ-HĐQT	11/10/2017	Thống nhất mua lại phần vốn góp của người nội bộ trong CTCP Nam Kim Corea
10	23A/2017/NQ-HĐQT	16/10/2017	Thông qua đối tác chào bán cổ phần riêng lẻ
11	24/2017/NQ-HĐQT	31/10/2017	Thống nhất triển khai tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Phan Thị Vân Anh	Trưởng Ban	04/04	100%
2	Ông Trương Thế Thiện	Thành viên	04/04	100%
3	Bà Võ Thị Vui	Thành viên	04/04	100%





Năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Có sự tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp nhiều ý kiến tích cực vào các quyết định bảo đảm việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2017 đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- ✓ Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo Nam Kim về kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh;
- ✓ Giám sát tiến độ thực hiện dự án Nhà máy Nam Kim 3 và dây chuyền ống thép bổ sung tại Nhà máy Nam Kim 1;
- ✓ Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong nửa cuối năm 2017;
- ✓ Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Hội đồng quản trị		
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch	120.000.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	60.000.000
Bà Trần Uyển Nhàn	Thành viên	60.000.000
Ông Lương Thanh Bình	Thành viên	60.000.000
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên	60.000.000
Ban Kiểm soát		
Bà Phan Thị Vân Anh	Trưởng ban	20.000.000
Ông Trương Thế Thiện	Thành viên	10.000.000
Bà Võ Thị Vui	Thành viên	10.000.000



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	261.140	0,26%	311.140	0,31%	Mua cổ phiếu
2	Đoàn Đình Thọ	Chồng của Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Phó Tổng Giám đốc	0	0%	1.150	0,00%	Mua cổ phiếu







BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2017



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)	8
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN/HN)	9



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần

Số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 23 tháng 12 năm 2002

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh lần gần nhất của Công ty là lần thứ 23 ngày 14 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Trần Uyên Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên
Ông Lương Thanh Bình	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Vân Anh	Trưởng ban
Ông Trương Thế Thiện	Thành viên
Bà Võ Thị Vui	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trụ sở chính

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giá định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Mạnh Hùng
Tổng giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 20 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Mai Viet Hung Tran
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6694
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Đào Quang Huy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1895-2018-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



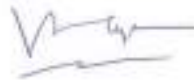
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VNĐ	2016 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.128.663.809.851	3.074.821.310.675
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	93.060.660.050	174.108.729.048
111	Tiền		32.634.783.860	24.108.729.048
112	Các khoản tương đương tiền		60.425.876.190	150.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		414.942.697.525	26.009.353.176
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	9.353.176	9.353.176
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	414.933.344.349	26.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.107.024.852.814	496.324.134.293
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.008.128.795.041	358.810.111.115
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	72.920.800.744	129.401.993.741
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	28.136.271.656	10.273.044.064
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.161.014.627)	(2.161.014.627)
140	Hàng tồn kho	8	4.090.177.555.753	2.032.863.740.895
141	Hàng tồn kho		4.090.177.555.753	2.032.863.740.895
150	Tài sản ngắn hạn khác		423.458.043.709	345.515.353.263
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	36.326.183.112	24.218.730.257
152	Thuế GTGT được khấu trừ	13	387.131.880.597	321.296.623.006
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		4.045.789.634.575	3.315.400.685.304
210	Các khoản phải thu dài hạn		3.693.023.579	276.299.965
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	3.693.023.579	276.299.965
220	Tài sản cố định		3.859.554.991.738	1.884.716.357.611
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	3.581.108.495.138	1.824.049.606.377
222	Nguyên giá		4.482.883.922.705	2.412.329.860.708
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(901.555.427.567)	(588.280.254.331)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	11.651.565.567	2.117.742.811
225	Nguyên giá		13.751.434.000	2.167.280.000
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.099.868.433)	(49.537.189)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	266.794.931.033	58.549.008.423
228	Nguyên giá		279.070.154.526	67.044.625.508
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.275.223.493)	(8.495.617.085)
240	Tài sản dở dang dài hạn		132.823.233.933	1.406.944.129.541
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	132.823.233.933	1.406.944.129.541
250	Đầu tư tài chính dài hạn		24.000.000.000	-
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	24.000.000.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		25.718.385.325	23.463.898.187
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	25.435.399.721	23.463.685.102
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		282.985.604	213.085
270	TỔNG TÀI SẢN		10.174.453.444.426	6.390.221.995.979

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VNĐ	2016 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		7.233.998.066.002	4.809.775.573.381
310	Nợ ngắn hạn		5.556.563.551.740	2.948.433.701.279
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	777.333.834.419	440.639.330.513
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		155.994.549.141	76.188.232.135
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	44.677.906.245	108.712.643.308
314	Phải trả người lao động		30.302.270.947	18.267.868.106
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.210.251.118	4.808.904.719
319	Phải trả ngắn hạn khác		15.065.244.213	132.739.235
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15(a)	4.503.075.205.047	2.295.882.606.236
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	27.904.290.610	3.801.377.027
330	Nợ dài hạn		1.677.434.514.262	1.861.341.872.102
337	Phải trả dài hạn khác		1.299.090.000	1.299.090.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15(b)	1.876.135.424.262	1.860.042.782.102
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.940.455.378.424	1.580.446.422.598
410	Vốn chủ sở hữu		2.940.455.378.424	1.580.446.422.598
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	1.300.000.000.000	660.343.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.300.000.000.000	660.343.610.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	766.255.590.000	264.355.590.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	23.207.319.954	12.851.794.521
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	20.437.678.048	4.904.387.898
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	830.554.792.422	634.891.436.569
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		250.042.869.403	117.221.421.205
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		580.511.923.019	517.770.015.364
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	-	2.999.603.610
440	TỔNG NGUỒN VỐN		10.174.453.444.426	6.390.221.995.979


Trần Minh Tiến
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.637.549.130.004	8.941.615.170.286
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.265.097.431)	(5.368.504.419)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.619.284.032.573	8.936.246.665.867
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(11.250.912.688.136)	(7.924.276.595.903)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.368.371.344.437	1.011.970.069.964
21	Doanh thu hoạt động tài chính	115.431.320.583	110.477.635.742
22	Chi phí tài chính	(377.931.538.898)	(299.466.412.884)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(267.678.707.112)	(141.639.235.578)
25	Chi phí bán hàng	(274.459.717.776)	(161.720.090.541)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(69.475.510.501)	(53.844.533.744)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	761.935.897.845	607.416.668.537
31	Thu nhập khác	21.395.541.214	3.479.939.182
32	Chi phí khác	(1.845.194.772)	(3.131.486.085)
40	Lợi nhuận khác	19.550.346.442	348.453.097
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	781.486.244.287	607.765.121.634
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(74.256.697.397)	(89.995.715.745)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	282.772.519	213.085
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	707.512.319.409	517.769.618.974
	Phân bổ cho:		
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	707.512.319.409	517.770.015.364
62	Phần thuộc cổ đông không kiểm soát	-	(396.390)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.143	4.966
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.143	4.966


Trần Minh Tiên
Người lập


Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	781.486.244.287	607.765.121.634
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	10 319.771.060.339	166.323.490.854
03	Các khoản dự phòng	-	1.607.219.395
04	Lỗi(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25, 26 45.049.933.206	(191.273.141)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.218.550.947)	(1.258.861.168)
06	Chi phí lãi vay	28 267.678.707.112	141.839.235.578
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.410.769.393.997	915.884.933.152
09	Tăng các khoản phải thu	(679.894.850.234)	(145.406.281.027)
10	Tăng hàng tồn kho	(2.057.313.814.858)	(934.646.719.405)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	236.802.810.040	374.651.375.901
12	Tăng chi phí trả trước	(6.851.793.600)	(4.500.014.740)
14	Tiền lãi vay đã trả	(270.297.548.151)	(147.665.091.972)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(87.685.256.211)	(34.514.676.482)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.785.900.000)	(50.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.456.256.959.017)	23.762.925.426
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.028.259.269.671)	(2.316.768.174.992)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	365.454.546	630.000.000
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(388.933.344.349)	(26.000.000.000)
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(27.000.000.000)	-
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.394.213.340	1.258.861.168
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.440.432.946.134)	(2.340.879.313.824)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	811.385.450.000	423.800.000.000
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn, dài hạn	33 10.802.864.299.877	8.102.135.932.700
34	Tiền trả nợ gốc vay	33 (8.664.369.585.383)	(6.086.253.172.524)
35	Chi trả nợ gốc thuế tài chính	(5.189.473.523)	(124.002.136)
36	Chi trả cổ tức	(129.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	2.815.670.690.971	2.439.558.758.040
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(81.019.214.180)	122.442.369.642
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 174.108.729.048	51.475.086.265
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(28.854.818)	191.273.141
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 93.060.550.650	174.108.729.048


Trần Minh Tiên
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 23 tháng 12 năm 2002.

Ngày 12 tháng 4 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 20, chấp thuận việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vào các ngày 9 tháng 6 năm 2017, ngày 2 tháng 8 năm 2017 và ngày 14 tháng 11 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 21, 22 và 23, chấp thuận việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là NKG được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại; và
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có một công ty con, ba chi nhánh hạch toán phụ thuộc và một công ty liên kết. Chi tiết công ty con và các đơn vị trực thuộc được trình bày dưới đây:

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tên công ty/ Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ đăng ký	Ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			31.12.2017	31.12.2016
Công ty con và chi nhánh				
Công ty TNHH MTV Ông thép Nam Kim	Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm. Kinh doanh sắt thép các loại.	100%	93,17%
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại miền Bắc	Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại miền Tây	Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam			
Công ty liên kết				
Công ty cổ phần Nam Kim Corea	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất sắt, thép, gang, gia công cơ khí, tráng phủ kim loại.	26,24%	-

(*) Trong năm 2017, Công ty đã mua lại 6,83% vốn điều lệ trong Công ty TNHH MTV Ông thép Nam Kim để nâng tỷ lệ sở hữu công ty này lên thành 100%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 1.484 cán bộ công nhân viên (2016: 1.139 cán bộ công nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thực hành kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VNĐ" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối niên độ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Các khoản đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán và các công cụ tài chính khác do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động hoặc phương pháp nhập trước xuất trước.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)***Khấu hao (tiếp theo)*

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ yếu là từ 44 đến 49 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần*Cổ tức*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí cho nhân viên bán hàng, giới thiệu và quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển và chi phí băng tiền khác.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương và phúc lợi của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí dụng cụ văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí băng tiền khác.

2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Tiền mặt	1.067.563.500	1.303.256.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.567.220.360	22.805.472.306
Các khoản tương đương tiền (*)	60.425.876.190	150.000.000.000
	<u>93.060.660.050</u>	<u>174.108.729.048</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Cổ phiếu	<u>9.353.176</u>	<u>23.817.000</u>	<u>9.353.176</u>	<u>13.262.800</u>

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<u>414.933.344.349</u>	<u>414.933.344.349</u>	<u>26.000.000.000</u>	<u>26.000.000.000</u>

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty Cổ phần Nam Kim Cores	<u>24.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Chi tiết về ngành nghề hoạt động và tỷ lệ quyền biểu quyết tại công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh 1.

Giá trị hợp lý

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Tập đoàn chưa có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Các bên thứ ba (*)	<u>1.008.128.795.041</u>	<u>358.810.111.115</u>

(*) Chi tiết các khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu khách hàng:

	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	<u>263.421.681.853</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 2.161.014.627 đồng. Tập đoàn đã lập dự phòng 100% cho số dư khoản phải thu quá hạn này.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Các bên thứ ba (*)	<u>72.920.800.744</u>	<u>129.401.993.741</u>

(*) Chi tiết các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư khoản trả trước cho người bán:

	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương	29.850.246.400	-
Công ty TNHH Kim Ngươn	16.343.700.000	-
Shanghai Jingxiang Industrial Co., Ltd	9.637.022.350	18.124.614.000
Baosteel Singapore PTE Ltd	-	28.051.282.868
Young poong Corporation Sukpo Zinc Refinery	-	45.245.919.654
JFE Shoji Trade Corporation - Tokyo Head Office	-	20.021.345.914

7 PHẢI THU KHÁC

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	25.478.600.000	-
Tạm ứng	819.713.110	1.248.095.078
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	7.181.384.000
Phải thu khác	1.834.958.546	1.843.564.986
	<u>28.136.271.656</u>	<u>10.273.044.064</u>
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
(b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	<u>3.693.023.579</u>	<u>276.299.965</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

8 HÀNG TỒN KHO

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	729.510.967.430	-	-	-
Nguyên vật liệu	1.749.252.061.085	-	1.314.224.740.137	-
Thành phẩm	1.529.894.877.748	-	667.744.588.974	-
Công cụ, dụng cụ	60.262.227.888	-	49.608.387.188	-
Hàng hóa	611.306.877	-	1.270.109.402	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.646.114.725	-	15.915.194	-
	<u>4.090.177.555.753</u>	<u>-</u>	<u>2.032.863.740.895</u>	<u>-</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	32.421.283.210	22.002.467.134
Chi phí quảng cáo	3.896.708.477	1.794.001.313
Chi phí bảo hiểm	8.171.425	422.261.810
	<u>36.326.163.112</u>	<u>24.218.730.257</u>

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	24.218.730.257	18.366.518.090
Tăng	76.186.130.379	59.653.859.451
Phân bổ trong năm	(64.078.697.524)	(53.801.647.284)
Số dư cuối năm	<u>36.326.163.112</u>	<u>24.218.730.257</u>

(b) Dài hạn

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.671.113.327	7.871.192.517
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	7.764.286.394	15.592.492.585
	<u>25.435.399.721</u>	<u>23.463.685.102</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	23.463.685.102	24.815.882.529
Tăng	17.811.445.023	13.996.094.155
Phân bổ trong năm	(15.839.730.404)	(15.348.291.582)
Số dư cuối năm	<u>25.435.399.721</u>	<u>23.463.685.102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	368.608.533.418	1.867.289.085.780	169.208.337.982	6.238.814.028	985.089.600	2.412.329.850.708
Mua trong năm	69.200.000	44.214.459.388	12.274.797.273	55.300.000	-	56.613.756.661
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	345.937.036.164	1.614.996.944.994	52.226.803.175	1.778.587.393	-	2.014.929.371.726
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.208.066.390)	-	-	(1.208.066.390)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	714.614.769.582	3.526.490.490.162	232.500.871.940	8.072.701.421	985.089.600	4.482.663.922.705
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	85.978.945.353	499.985.364.234	28.485.444.609	3.368.217.472	461.282.583	588.280.254.331
Khấu hao trong năm	38.610.305.246	258.771.437.003	13.745.436.548	763.739.250	50.204.640	313.941.122.687
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(665.949.451)	-	-	(665.949.451)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	125.590.250.599	728.756.801.237	41.564.931.786	4.131.956.722	511.487.223	901.555.427.567
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	282.628.588.065	1.367.303.721.546	140.722.893.193	2.870.596.556	523.807.017	1.824.049.606.377
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	589.024.518.983	2.798.733.688.925	190.935.940.154	3.940.744.699	473.602.377	3.581.108.495.138

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 3.560 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng (Thuyết minh 15).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 136 tỷ đồng (2016: 136 tỷ đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc thiết bị
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.167.280.000
Tăng trong năm	11.584.154.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>13.751.434.000</u>
Hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	49.537.189
Khấu hao trong năm	2.050.331.244
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>2.099.868.433</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.117.742.811
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>11.651.565.567</u>

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vì tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	66.909.025.508	135.600.000	67.044.625.508
Tăng trong năm	211.954.287.018	71.242.000	212.025.529.018
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>278.863.312.526</u>	<u>206.842.000</u>	<u>279.070.154.526</u>
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	8.402.957.085	92.660.000	8.495.617.085
Khấu hao trong năm	3.742.552.104	37.054.304	3.779.606.408
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>12.145.509.189</u>	<u>129.714.304</u>	<u>12.275.223.493</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	58.506.068.423	42.940.000	58.549.008.423
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>266.717.803.337</u>	<u>77.127.696</u>	<u>266.794.931.033</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 266 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng (Thuyết minh 15).



11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Mua sắm tài sản cố định	7.912.369.072	5.179.651.628
Xây dựng đầu tư dự án Nhà máy Nam Kim 3	124.556.359.127	1.325.634.367.318
Xây dựng nhà máy ống thép Nam Kim	354.505.734	76.130.110.595
	<u>132.823.233.933</u>	<u>1.406.944.129.541</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	1.406.944.129.541	243.727.563.420
Tăng	740.808.476.118	1.724.443.611.164
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(2.014.929.371.726)	(561.227.045.043)
Số dư cuối năm	<u>132.823.233.933</u>	<u>1.406.944.129.541</u>

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 54 tỷ đồng (năm 2016: 49 tỷ đồng).

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017		2016	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
Bên thứ ba (*)	<u>777.333.834.419</u>	<u>777.333.834.419</u>	<u>440.639.330.513</u>	<u>440.639.330.513</u>

(*) Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư khoản phải trả người bán:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	266.742.942.949	-
Công ty TNHH Posco Việt Nam	129.671.193.807	135.633.594.446
Esmech Equipment Private Limited	<u>44.931.232.791</u>	<u>82.655.448.863</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	44.256.697.397	57.685.256.211
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	43.247.552.943
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.129.301.353
Thuế thu nhập cá nhân	421.208.848	650.532.801
	<u>44.677.906.245</u>	<u>108.712.643.308</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã nộp trong năm VNĐ	Tại ngày 31.12.2017 VNĐ
Phải nộp/(phải thu)				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(321.296.623.006)	2.225.156.680.085	(2.290.991.937.676)	(387.131.880.597)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	43.247.552.943	773.116.392.175	(816.363.945.118)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	7.129.301.353	13.485.352.581	(20.614.653.934)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.685.256.211	74.256.697.397	(87.685.256.211)	44.256.697.397
Thuế thu nhập cá nhân	650.532.801	6.764.425.715	(6.993.749.668)	421.208.848
Các loại thuế khác	-	1.437.542.680	(1.437.542.680)	-
	<u>(212.583.979.698)</u>	<u>3.094.217.090.633</u>	<u>(3.224.087.085.287)</u>	<u>(342.453.974.352)</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí lãi vay trái phiếu	2.099.154.589	4.717.995.628
Khác	111.096.529	90.909.091
	<u>2.210.251.118</u>	<u>4.808.904.719</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	2017		2016	
	Giá trị VND	khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.487.155.350.627	4.487.155.350.627	2.295.882.606.236	2.295.882.606.236
Vay dài hạn ngân hàng	1.369.938.174.566	1.369.938.174.566	1.488.404.650.348	1.488.404.650.348
Phát hành trái phiếu	260.000.000.000	260.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000
Các khoản nợ thuế tài chính	62.117.104.116	62.117.104.116	1.638.131.754	1.638.131.754

(a) Vay ngắn hạn

Biến động các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Vay trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
	Vay ngắn hạn	2.295.882.606.236	10.164.040.833.458	(8.373.974.232.482)	438.032.064.867	(37.825.911.450)
Các khoản nợ thuế tài chính	-	-	(3.464.512.338)	19.384.386.758	-	15.919.854.420
	2.295.882.606.236	10.164.040.833.458	(8.377.438.744.821)	458.416.471.626	(37.825.911.450)	4.503.075.205.047



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09a – DN

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Ngân hàng	Giá trị (VND)	Tiền tệ	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.601.884.381.257	USD	2/2018-6/2018	Nhà cửa vật kiến trúc; Máy móc thiết bị;
Nợ dài hạn đối hạn trả VND	378.067.160.218	VND	2/2018-3/2018	Thiết bị và phương tiện vận tải, truyền
	213.000.000.000	VND	2/2018-11/2018	đất; Dụng cụ quản lý; Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	806.146.636.496	USD	4/2018-5/2018	Tin chấp; hàng tồn kho luân chuyển
Nợ dài hạn đối hạn trả VND	82.736.701.169	VND	5/2018	Tin chấp
	700.000.000	VND	3/2018-12/2018	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	293.372.440.000	USD	2/2018-5/2018	Tin chấp; hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	257.151.243.752	USD	2/2018-5/2018	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	231.067.881.160	USD	2/2018-5/2018	Máy móc thiết bị, tin chấp
	90.731.116.437	VND	1/2018-4/2018	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	128.216.812.991	USD	6/2018	Hàng tồn kho luân chuyển
Nợ dài hạn đối hạn trả VND	29.824.275.192	VND	10/2018	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	110.628.510.000	USD	5/2018	Nguyên vật liệu, thành phẩm, các khoản
				phải thu
Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc	102.307.500.000	USD	5/2018	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Phương Đông	88.132.272.743	USD	2/2018-3/2018	Tin chấp
Ngân hàng Sinopac	39.975.867.857	USD	5/2018	Tin chấp
	31.222.551.385	VND	3/2018	
	4.487.155.350.627			

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn VND từ 5,2% đến 6,7%/năm

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn USD từ 2,3% đến 3,5%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09a – DN

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Vay trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngân hàng	1.488.404.650.348	573.155.020.536	(280.415.352.901)	(438.032.054.867)	37.825.911.450	1.369.938.174.566
Phát hành trái phiếu	370.000.000.000	-	(110.000.000.000)	-	-	260.000.000.000
Các khoản nợ thuế tài chính	1.638.131.754	65.668.445.885	(1.724.961.184)	(19.384.366.759)	-	46.197.249.696
	<u>1.880.042.782.102</u>	<u>638.823.466.421</u>	<u>(402.140.314.085)</u>	<u>(458.416.421.626)</u>	<u>37.825.911.450</u>	<u>1.676.135.424.262</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Ngân hàng	Giá trị	Tiền tệ	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.253.861.786.433	USD	2/2019-11/2022	Nhà cửa vật kiến trúc; Máy móc thiết bị; Thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn; Dụng cụ quản lý
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	114.326.388.133	USD	10/2022	Nhà cửa vật kiến trúc; Máy móc thiết bị; quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.750.000.000	VND	3/2019 - 06/2021	Xe Mercedes Benz S500
	<u>1.369.938.174.566</u>			

Lãi suất trung dài hạn VNĐ từ 6,9% đến 9,9%/năm.

Lãi suất trung dài hạn USD từ 3,3% đến 6,48%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09a – DN

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

	2017			2016		
	Tổng nợ thuế tài chính VND	Chi phí lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng nợ thuế tài chính VND	Chi phí lãi thuế VND	Nợ gốc VND
Dưới 1 năm	20.863.617.769	4.943.761.273	15.919.856.496	1.185.740.466	292.212.936	893.527.530
Từ 1 - 5 năm	55.363.161.803	9.165.914.183	46.197.247.620	835.083.811	90.479.587	744.604.224
	<u>76.226.779.572</u>	<u>14.109.675.456</u>	<u>62.117.104.116</u>	<u>2.020.824.277</u>	<u>382.692.523</u>	<u>1.638.131.754</u>

(d) Trái phiếu thương mại

	2017			2016		
	Giá trị VND	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá	<u>260.000.000.000</u>	10,9%/năm	5 năm	<u>370.000.000.000</u>	10,9%/năm	5 năm

Thời gian đáo hạn của trái phiếu là ngày 6 tháng 8 năm 2021.

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	3.801.377.027	70.154.071
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 18)	25.888.813.583	3.781.822.956
Chi quỹ	(1.785.900.000)	(50.600.000)
Số dư cuối năm	<u>27.904.290.610</u>	<u>3.801.377.027</u>

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2017 Cổ phiếu phổ thông	2016 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>130.000.000</u>	<u>66.034.361</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký đã phát hành	130.000.000	66.034.361
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>130.000.000</u>	<u>66.034.361</u>

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	43.889.920	438.899.200.000	-	438.899.200.000
Cổ phiếu mới phát hành	22.144.441	221.444.410.000	-	221.444.410.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>66.034.361</u>	<u>660.343.610.000</u>	-	<u>660.343.610.000</u>
Cổ phiếu mới phát hành	63.965.639	639.656.390.000	-	639.656.390.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>130.000.000</u>	<u>1.300.000.000.000</u>	-	<u>1.300.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	438.899.200.000	82.100.000.000	9.069.871.565	1.122.564.942	128.566.890.073	-	639.758.626.980
Vốn tăng trong năm	221.444.410.000	263.800.000.000	-	-	-	3.000.000.000	488.244.410.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	517.770.015.354	(395.390)	517.769.618.974
Chia cổ tức	-	(61.544.410.000)	-	-	-	-	(61.544.410.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(3.781.822.956)	-	(3.781.822.956)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.781.822.956	-	(3.781.822.956)	-	-
Trích quỹ khác thuộc chủ sở hữu	-	-	-	3.781.822.956	(3.781.822.956)	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	660.343.610.000	264.355.590.000	12.851.704.521	4.904.387.898	634.991.436.569	2.999.603.610	1.598.448.422.598
Vốn tăng trong năm (**)	839.856.390.000	501.900.000.000	-	-	(330.170.940.000)	-	811.385.450.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	707.512.319.409	-	707.512.319.409
Tạm ứng cổ tức năm 2017 (**)	-	-	-	-	(130.000.000.000)	-	(130.000.000.000)
Mua phần vốn công ty con	-	-	-	-	(395.390)	-	(395.390)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	(25.888.813.583)	-	(25.888.813.583)
Trích quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	10.355.525.433	-	(10.355.525.433)	-	-
Trích quỹ khác thuộc chủ sở hữu (***)	-	-	-	15.533.286.150	(15.533.286.150)	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.300.000.000.000	766.255.590.000	23.207.219.954	20.437.676.048	830.554.792.422	-	2.940.455.378.424

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (*) Vốn cổ phần của Công ty tăng thêm 639.656.390.000 đồng, tương đương 63.965.639 cổ phần tương ứng với các đợt phát hành như sau:

Đợt 1: phát hành 33.017.094 cổ phiếu tương đương 330.170.940.000 đồng vốn cổ phần để chi trả cổ tức năm 2015 và năm 2016. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm 2015 là 15% vốn điều lệ và tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm 2016 là 35% vốn điều lệ được chi trả bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Đợt 2: phát hành 948.545 cổ phiếu tương đương 9.485.450.000 đồng vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tập đoàn (ESOP 2017). Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn đã thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2017 với tỷ lệ phát hành tối đa 1% vốn điều lệ.

Đợt 3: phát hành 30.000.000 cổ phiếu tương đương 300.000.000.000 đồng vốn cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Giá phát hành bình quân là 27.000 đồng/cổ phiếu, theo đó, Công ty ghi nhận 501.900.000.000 đồng thặng dư vốn cổ phần từ đợt phát hành này.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 22 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 10 năm 2017, Tập đoàn đã tiến hành đàm phán và thông qua danh sách nhà đầu tư và số cổ phần chào bán cho nhà đầu tư.

Theo Công bố thông tin số 16/2017/CBTT-NK ngày 16 tháng 10 năm 2017 gửi Ủy ban Chứng khoán Việt Nam, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23 đăng ký số vốn điều lệ là 1.300.000.000.000 đồng, tương đương 130.000.000 cổ phần.

- (**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết số 24/2017/HĐQT-NQ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 10% trên vốn điều lệ.
- (***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã trích lợi nhuận sau thuế của năm 2016 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khác thuộc chủ sở hữu và quỹ đầu tư phát triển lần lượt theo tỷ lệ 5%, 3% và 2%.

19 CỐ TỨC

Biến động của khoản cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả trong năm	460.170.940.000	61.544.410.000
Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu	(330.170.940.000)	(61.544.410.000)
Cổ tức đã chi trả bằng tiền trong năm	(129.000.000.000)	-
	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

20 LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Vốn góp của chủ sở hữu	-	3.000.000.000
Phần lỗ được phân bổ	-	(396.390)
	<u>-</u>	<u>2.999.603.610</u>
	<u>-</u>	<u>2.999.603.610</u>

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	2.999.603.610	43.898.740.000
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	-	(396.390)
Giảm do mua lại vốn cổ đông không kiểm soát	(2.999.603.610)	(40.898.740.000)
	<u>-</u>	<u>2.999.603.610</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>2.999.603.610</u>

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017	2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	707.512.319.409	517.769.618.974
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ) (*)	-	(25.888.813.583)
	<u>707.512.319.409</u>	<u>491.880.805.391</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	99.051.455	99.051.455
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>7.143</u>	<u>4.966</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 được quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(**) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2017 (Thuyết minh số 18).

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày ở Thuyết minh số 34.

(b) Ngoại tệ các loại

	2017	2016
Đô la Mỹ ("USD")	<u>866.687,85</u>	<u>696.269,82</u>

23 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	12.612.573.264.894	8.873.666.447.696
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.975.865.110	67.948.722.590
	<u>12.637.549.130.004</u>	<u>8.941.615.170.286</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	5.804.081.492	67.101.819
Giảm giá hàng bán	2.456.029.410	4.033.812.044
Hàng bán bị trả lại	10.004.986.529	1.267.590.556
	<u>18.265.097.431</u>	<u>5.368.504.419</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>12.619.284.032.573</u>	<u>8.936.246.665.867</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Giá vốn hàng bán	11.233.031.867.298	7.864.423.205.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.880.820.838	59.853.390.244
	<u>11.250.912.688.136</u>	<u>7.924.276.595.903</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Lãi tiền gửi	3.394.213.340	1.261.137.702
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	111.562.607.138	109.024.430.999
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	191.273.141
Cổ tức, lợi nhuận được chia	653.800	793.900
Doanh thu hoạt động tài chính khác	473.846.305	-
	<u>115.431.320.583</u>	<u>110.477.635.742</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Lãi tiền vay	267.678.707.112	141.639.235.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	65.202.464.866	153.667.172.807
Chi phí phát hành trái phiếu	-	3.700.000.000
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	45.049.933.206	-
Khác	433.714	460.004.559
	<u>377.931.538.898</u>	<u>299.466.412.884</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí nhân công	18.877.232.584	15.627.712.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.245.075.374	2.958.863.232
Chi phí nguyên vật liệu	2.565.927.981	2.662.913.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.442.477.649	19.465.741.954
Chi phí bằng tiền khác	201.329.004.188	121.004.859.707
	<u>274.459.717.776</u>	<u>161.720.090.541</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	36.661.787.248	26.696.521.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.531.726.319	3.255.901.109
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.607.219.395)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.576.044.493	23.408.693.341
Các khoản chi phí khác	2.705.952.441	2.090.636.924
	<u>69.475.510.501</u>	<u>53.844.533.744</u>

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu tiền bồi thường	17.396.547.888	3.406.222.256
Thu nhập khác	3.998.993.326	73.716.926
	<u>21.395.541.214</u>	<u>3.479.939.182</u>
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	177.662.393	455.094.441
Chi phí khác	1.667.532.379	2.676.391.644
	<u>1.845.194.772</u>	<u>3.131.486.085</u>
Lợi nhuận khác	<u>19.550.346.442</u>	<u>348.453.097</u>

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tập đoàn được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") ưu đãi cho phần đầu tư mở rộng như sau:

(a) Đối với dự án nhà máy thép Nam Kim 2:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2015 – 2016) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2017 – 2020) đối với thu nhập thực hiện từ dự án.

(b) Đối với dự án nhà máy thép Nam Kim 3:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ dự án.

(c) Đối với Công ty TNHH MTV Ông thép Nam Kim:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập thực hiện từ Công ty này.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	781.486.244.287	607.765.121.634
Thuế tính ở thuế suất 20%	156.297.248.857	121.553.024.327
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.500.858.091)	-
Chi phí không được khấu trừ	267.886.757	903.802.079
Ưu đãi thuế	(81.090.352.645)	(32.461.323.747)
Chi phí thuế TNDN (*)	73.973.924.878	89.995.502.660
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	74.256.697.397	89.995.715.745
Thuế TNDN - hoãn lại	(282.772.519)	(213.085)
	73.973.924.878	89.995.502.660

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	30.019.576.318.818	15.634.679.994.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.771.060.339	166.323.490.854
Chi phí nhân công	189.290.727.811	137.984.370.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.705.792.656	73.871.379.851
Chi phí bằng tiền khác	448.599.954.130	271.570.861.778
	31.106.943.853.754	16.284.430.098.299

32 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu. Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Xuất khẩu	5.502.558.527.498	3.869.039.356.809
Trong nước	7.134.990.602.506	5.072.575.813.477
Doanh thu	<u>12.637.549.130.004</u>	<u>8.941.615.170.286</u>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

33 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")**(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT**

Trong năm, Tập đoàn không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Vay theo kế ước thông thường	<u>10.802.864.299.877</u>	<u>8.102.135.932.700</u>

(c) Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>8.864.389.585.383</u>	<u>6.086.253.172.524</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	9.245.673.250	3.809.675.886

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)</i>		
Ông Hồ Minh Quang	25.478.600.000	-

(*) Số dư thể hiện số tiền ứng mua lại phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Nam Kim Corea của ông Hồ Minh Quang.

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Trong vòng 1 năm	2.463.120.000	154.021.893
Từ 1 đến 5 năm	2.867.040.000	257.828.428
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	5.330.160.000	411.850.321

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2018.


Trần Minh Tiến
Người lập


Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHẠM MẠNH HÙNG

